

Tinh Hoa Kinh Luận Nguyên Thủy

Bài 67

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 17.12. 2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

<https://www.youtube.com/watch?v=hBAFK10He-s>

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

<https://www.facebook.com/suthaythichthientrang>

Nam Mô Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay chúng ta học về chuyên đề Tinh Hoa Kinh Luận Nguyên Thủy. Trước kia chúng ta để tựa đề là Câu Xá Luận và Tinh Hoa Kinh Luận, tuy nhiên về sau chúng ta đổi tựa đề lại. Hôm nay chúng ta học bài thứ 67, mời quý vị, chúng ta vào phần này. Ở trong đây, thông thường chúng ta sẽ học mấy phần: Phần thứ nhất là những giáo lý nền tảng trong đời sống, câu chuyện v.v.... cho đến vào đến phần Kinh A Hàm, Kinh NiKaya, sau đó là học Vi Diệu Pháp. Chúng ta sẽ bắt đầu vào câu chuyện đầu tiên.

Câu Chuyện Về Một Người Bần Cùng, Khổ Cực Nhưng Tin Tam Bảo, Giữ Giới, Học Rộng Nghe Nhiều, Ra Sức Bố Thí, Thành Tựu Chánh Kiến Vào Thời Đức Phật

(Theo Kinh Tạp A Hàm)

Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, trong thành Vương Xá có **một người bần cùng, khổ cực, nhưng tin Phật, Pháp và Tăng, giữ gìn cấm giới, học rộng nghe nhiều, ra sức bố thí, thành tựu Chánh kiến.**

Như vậy đây là theo Kinh Tập A Hàm, câu chuyện này là ở thời Đức Phật, tại thành Vương Xá. Có một người nghèo lắm, rất khổ cực, nhưng tin Phật, tin Pháp, tin Tăng (tức là tin được ba ngôi Tam Bảo), cũng giữ gìn cấm giới (giữ giới), học rộng nghe nhiều (tức là cũng chịu khó nghe pháp, học pháp), thực hiện bố thí (mặc dù nghèo nhưng cũng cố gắng bố thí), và thành tựu được Chánh kiến (ở đây không nói Chánh kiến này là Chánh Kiến thế gian hay xuất thế gian. Có hai loại Chánh kiến).

Người này sau khi mạng chung được sinh lên trời. Sau khi sinh về cõi trời Ba mươi ba (trời Đao Lợi), có ba điểm thù thắng hơn những vị trời Ba mươi ba khác. (Tức là sanh về trời Đao Lợi thì có ba điểm thù thắng hơn tất cả chư Thiên ở trời Đao Lợi). **Những gì là ba? Đó là được tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời.** (Tức là được ba điều: [Một] là tuổi thọ. Một ngày trên trời Đao Lợi bằng 100 năm ở nhân gian, tuổi thọ là 1000 tuổi thọ trời. Như vậy chúng ta nhân lên rồi tính ra, một ngày một đêm ở đó bằng 100 năm nhân gian chúng ta. Rồi được sắc đẹp trời tức là đẹp hơn các chư Thiên khác, và tiếng khen trời là được nhiều chư Thiên khen).

Các trời Ba mươi ba thấy Thiên tử này có ba đặc biệt hơn về tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời; họ thấy rồi, bèn đến chỗ Thiên Đế Thích, nói như vậy: (Những chư Thiên ở trời Đao Lợi thấy vị đó đặc biệt, nên đến chỗ vua trời Đế Thích để nói).

“Kiền-thi-ca nên biết! Có một Thiên tử vừa sinh cõi trời này; đối với những vị Thiên tử cũ, có ba đặc thù hơn là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời”.

Khi ấy Thiên Đế Thích nói với Thiên tử này rằng:

“Chư nhơn giả! Tôi biết người này trước đây làm một người bần cùng nghèo khổ ở thành Vương-xá, nhưng đối với pháp luật của Như Lai, rất có lòng tin,...(nói lại ở trên) cho đến thành tựu Chánh kiến. Cho nên, khi thân hoại mạng chung được sinh lên cõi trời này, và có điểm thù thắng hơn những vị trời Ba mươi ba khác, là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, tiếng khen trời”.

Rồi Thiên-đế Thích liền nói kệ:

**Chánh tín đối Như lai,
Nhất định không dao động;
Thọ trì giới chơn thật,
Không nhàm chán Thánh giới.
Đối Phật tâm thanh tịnh,
Đối Chánh kiến thành tựu;
Nên biết không nghèo khổ,
Tự sống không vô ích.
Nên đối Phật, Pháp, Tăng,
Khởi lòng tin thanh tịnh;
Trí tuệ càng sáng hơn,
Nhớ nghĩ lời Phật dạy.**

Ở đây, vua trời Đế Thích cũng nói một đạo lý, đó là: Đối với Đức Phật (đối với Như Lai) thì nhất định không được dao động, nếu thọ trì giới chân thật, không nhàm chán Thánh giới thì được như vậy. Đối với tâm Phật mà tâm mình thanh tịnh, đối với Chánh kiến được thành tựu, thì cuộc đời mình sống không vô ích. Và nếu tin với Tăng nữa thì trí tuệ càng sáng hơn. Cho nên việc này rất đơn giản như vậy thôi.

Đức Phật nói Kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 1027. Người Nghèo - Kinh Tạp A Hàm).

Quý vị thấy ở đây đưa ra một câu chuyện rất dễ, nhiều người nói nghèo quá không tu được. [Nhưng] ở đây chúng ta thấy nghèo tu vẫn được, nghèo tu vẫn tốt, [được] sanh lên cõi Trời, thậm chí còn hơn những chư Thiên khác về ba điều, đó là: Tuổi thọ cõi Trời, sắc đẹp cõi Trời và tiếng khen ở cõi Trời. Cho nên nghèo không có vấn đề gì, ai nghèo không sợ nha. Ráng tu!

Đó là phần thứ nhất, giới thiệu câu chuyện đơn giản vậy thôi. Chúng ta vào phần thứ hai, là một kiến thức nhân quả:

Quả Của Ác Nghiệp *(Theo Kinh Tăng Chi Bộ)*

1.- Nay các Tỷ-kheo, sát sanh được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Địa ngục, đưa đến loại Bàn sanh, đưa đến cõi Ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của sát sanh là được **làm người với tuổi thọ ngắn.**

Đầu tiên, Đức Phật nói về nghiệp sát sanh. Nếu được thực hiện, tu tập, làm cho sung mãn (tức là làm nhiều) thì sẽ đưa đến Địa ngục, loài Bàn sanh, Ngạ quỷ. Nếu không như vậy [thì] quả dị thực (tức là quả chín khác thời) hết sức nhẹ (tức là nhẹ nhất) của sát sanh là làm người với tuổi thọ ngắn. Cho nên Đức Phật nói sát sanh có hai loại quả báo: Thứ nhất là đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh; [thứ hai], quả báo nhẹ đó là làm người mà tuổi thọ ngắn. Cho nên đừng trách sao mình không sống thọ, là vì mình sát sanh.

2. Nay các Tỷ-kheo, lấy của không cho được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Địa ngục, đưa đến loại Bàn sanh, đưa đến cõi Ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của lấy của không cho là được **làm người với sự tổn hại tài sản.**

Bài kinh này [nói] rất rõ, quả nghiệp ác thứ hai là nghiệp trộm cắp (lấy của không cho). Nếu [quả] nặng, tức là được thực hiện, được tu tập (là làm thường xuyên), làm cho sung mãn (là làm nhiều), thì cuối cùng đưa đến Địa ngục, đưa đến Ngạ quỷ, đưa đến Súc sanh. Và quả dị thực nhẹ là cũng làm người nhưng bị mất tài sản, tổn hại tài sản. Cho nên mình bị tổn hại tài sản là do [mình] trộm cắp. Rất rõ ràng!

3. Nay các Tỷ-kheo, tà hạnh trong các dục được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Địa ngục, đưa đến loại Bàn sanh, đưa đến cõi Ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của tà hạnh trong các dục là được **làm người với sự oán thù của kẻ địch.**

Tiếp theo là tà dâm, Đức Phật nói cũng vậy, nếu nghiệp tà dâm thực hiện nhiều thì đưa đến Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Còn nhẹ thì làm người nhưng bị oán thù của kẻ địch. Cho nên nhiều khi mình có nhiều kẻ oán thù, thì cũng có một phần là do tà dâm, đó là quả dị thực nhẹ.

4. Nay các Tỷ-kheo, nói láo được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Địa ngục, đưa đến loại Bàng sanh, đưa đến cõi Ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của nói láo là được làm người bị vu cáo không đúng sự thật.

Như vậy, chúng ta thấy nếu nói láo thì cũng đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, nếu nói [láo] nhiều, thực hiện nhiều. Miền Bắc thì gọi là nói dối, miền Nam gọi là nói láo. Quả dị thực nhẹ là bị vu cáo không đúng sự thật. Cho nên mình dối gạt người ta, cuối cùng là mình bị vu cáo không đúng sự thật. Vu cáo là họ đặt điều cho mình những điều này điều kia.

5. Nay các Tỷ-kheo, nói hai lưỡi được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Địa ngục, đưa đến loại Bàng sanh, đưa đến cõi Ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của nói hai lưỡi là được làm người với bạn bè bị đổ vỡ.

Điều này thì dễ rồi đúng không? Nói hai lưỡi tức là tới chỗ người này thì nói người kia. Tới người A thì nói người B nói bạn mình như vậy, tới người B thì nói người A nói như vậy, nói qua nói lại. Dù [nói] thật hay không thật, nhưng gây chia rẽ thì sau này mình có quả báo. Nếu nặng, tức là làm nhiều, thì đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Còn nếu nhẹ nhẹ thì có bạn bè nhưng bị đổ vỡ hết, không có ai chơi, chẳng hạn như vậy.

6. Nay các Tỷ-kheo, nói ác khẩu được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Địa ngục, đưa đến loại Bàng sanh, đưa đến cõi Ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của nói ác khẩu là được làm người mà bị nghe những tiếng không khả ý.

Ở đây, nói ác khẩu là mình nói những lời chửi rủa, những lời khó nghe. Nếu thực hiện nhiều, thực hiện tu tập là thực hành đi thực hành lại, làm cho sung mãn tức

là làm rất nhiều, thì như vậy cũng đưa đến ba đường: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Nếu nhẹ thì sinh trong cõi Người, làm người nhưng bị nghe những tiếng không vừa ý. Cho nên tại sao có những người làm người mà bị những tiếng không vừa ý. Đó là tại vì mình nói những lời ác khẩu. Chứ từ trước tới giờ, mình mà tu tốt, mình không có ác khẩu thì không bị.

7. Nay các Tỷ-kheo, nói lời phù phiếm được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Địa ngục, đưa đến loại Bàng sanh, đưa đến cõi Ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của nói lời phù phiếm là được làm người mà bị nghe những lời khó chấp nhận.

Cho nên mình gieo nhân nào thì mình cũng bị quả đó. Ngoài đọa vào ba đường ác, thì có quả là ở trong cõi Người nghe những lời khó chấp nhận. Mình gieo nhân nào thì mình được như vậy. Cho nên nhiều khi nghiệm lại, mình không có trách ai được hết, mình nhận quả là do mình làm từ trước thôi.

8. Nay các Tỷ-kheo, uống rượu men, rượu nấu, được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Địa ngục, đưa đến loại Bàng sanh, đưa đến cõi Ngạ quỷ. Quả dị thực hết sức nhẹ của uống rượu men, rượu nấu là được làm người với tâm điên loạn.

Thiện Trang có tô đồ những chữ như vậy. Rõ ràng uống rượu nhiều quá thì cũng đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. [Còn] nếu quả báo nhẹ là làm người nhưng tâm [bị] điên loạn. Cho nên nhiều người tâm không có tốt là do vậy, không tốt ở đây là bị điên loạn.

((8.40) Quả Của Ác Nghiệp: Duccaritavipāka – Kinh Tăng Chi Bộ).

Quý vị có thể dò ở chương Tám pháp, bài kinh số 40. Đánh số như vậy tức là phẩm Tám pháp, bài kinh số 40.

Ở đây, Thiện Trang giải thích thêm một chút về các nghiệp của lời nói.

***Giải thích thêm về 4 nghiệp của lời nói:**

Loại lời nói	Bản chất	Đặc điểm	Loại tâm
1.Nói dối	Biết rõ là không đúng sự thật mà cố ý nói sai sự thật. Không phải làm lẫn vô ý, mà là cố ý đánh lừa người khác.	Nghiệp nói dối đầy đủ có: 1. Sự việc không đúng sự thật. 2. Tâm muốn lừa dối. 3. Lời nói biểu đạt sai sự thật. 4. Người khác hiểu theo lời nói ấy. Thiếu một yếu tố thì nghiệp nhẹ hơn.	Tham/ si
2.Nói hai lưỡi	Dùng lời nói để chia rẽ, gây bất hòa giữa hai bên. Không nhất thiết phải nói dối, nói sự thật mà gây chia rẽ vẫn là nói hai lưỡi.	● Nói bên này một kiểu, bên kia một kiểu. ● Mang lời bên A nói với bên B để gây mâu thuẫn. ● Có ý phá hoại sự hòa hợp.	Sân/ tham
3.Nói ác khẩu	Lời nói thô bạo, làm tổn thương người khác, phát xuất từ sân hận. Không nhất thiết là nói dối hay chia rẽ, mà là làm đau người khác bằng lời nói.	● Chửi rủa. ● Mắng nhiếc. ● Lời cay độc, nhục mạ. ● Lời nói làm người khác đau khổ.	Sân

4.Nói lời phù phẩm	Nói chuyện vô ích, không đúng thời, không lợi ích, làm tâm tán loạn. Không ác rõ rệt như nói láo hay ác khẩu, nhưng nuôi dưỡng si và phóng đạt.	● Nói cho vui miệng. ● Chuyện nhảm nhí. ● Không hướng đến thiện pháp. ● Khiến tâm người nghe tán loạn.	Tham/si
--------------------------	---	---	---------

Thiền Trang chia bảng thành bốn cột: [Cột thứ nhất] là Loại lời nói, [cột thứ hai] là Bản chất, [cột thứ ba] là Đặc điểm và [cột thứ tư] là Loại tâm. Bởi vì chúng ta học điều này rồi cho nên nói lại luôn.

1. Nói dối: ‘Biết rõ là không đúng sự thật mà cố ý nói sai sự thật. Không phải làm lẫn vô ý, mà là **cố ý đánh lừa người khác**’. Quý vị thấy, có thể mình có hiện tượng nói dối, biết sự thật là A nhưng mình không nói A mà mình nói B. Như vậy là mình nói sai sự thật, cố ý như vậy. Ở đây không phải là làm lẫn vô ý mà cố đánh lừa người khác, tức là mình biết như vậy. Còn mình quên, mình nói nhầm thì không sao. Quên hay nhầm thì không sao.

Chúng ta học tới bài Giới Học Người Cư Sĩ thì sẽ học kỹ bốn chi pháp, nhưng ở đây là nói lược qua:

Nghiệp nói dối có bốn yếu tố:

1. Sự việc không đúng sự thật. (Phải đúng sự thật mới được. Nghiệp nói dối là gì? Đó là mình biết việc đúng sự thật rồi mà mình nói khác đi. Đó là sự việc không đúng sự thật).

2. Tâm muốn lừa dối. (Phải có tâm muốn lừa dối, chứ không phải là mình không có tâm lừa dối).

3. Lời nói biểu đạt sai sự thật. (Nói ra sai sự thật).

4. Người khác nghe hiểu theo lời nói ấy. (Lời nói đó phải người khác nghe hiểu mới được, chứ còn người khác nghe không hiểu mình nói gì thì không tính).

Thiếu một yếu tố thì nghiệp nhẹ hơn. Tức là bốn yếu tố đầy đủ thì mới thành nghiệp nói dối, còn nếu thiếu một yếu tố thì nghiệp nhẹ hơn.

Tâm này là tâm tham và Tâm si. Tâm tham là gì? Vì mình muốn bao che một điều gì đó hoặc là muốn tăng bốc điều gì đó, mình nói quá đi thì đó là Tâm tham. Đi kèm ở trong đó là Tâm si. Tâm si là tâm gì? Là tâm không rõ [cảnh] đúng không? Có hai Tâm si theo Vi Diệu Pháp: là Tâm si hợp hoài nghi và Tâm si hợp phóng dật. Chúng ta thấy là có bốn chi tiết này.

2. Nói hai lưỡi: ‘Dùng lời nói để chia rẽ, gây bất hòa giữa hai bên’. (Điều này Thiện Trang đã phân tích rồi).

Ở đây đặc điểm, bản chất là gì? ‘Không nhất thiết phải nói dối, **nói sự thật mà gây chia rẽ vẫn là nói hai lưỡi**’. Nhớ nha! Không phải nói dối mới là nói hai lưỡi, nói sự thật mà gây chia rẽ hai bên vẫn là hai lưỡi. Hai bên, bên này bên kia, mình nói với người này cho được, người kia cho được. Mình nói sự thật nhưng mình gây chia rẽ thì cũng gọi là hai lưỡi.

Đặc điểm:

- Nói bên này một kiểu, bên kia một kiểu. (Tức là mình nói hai bên không có giống nhau).

- Mang lời bên A nói với bên B để gây mâu thuẫn. (Tức là mang lời của bên này sang bên kia để gây mâu thuẫn).

- Có ý phá hoại sự hòa hợp. (Phải có ý đó).

Ở đây là Tâm tham hoặc là Tâm sân. Điều này rõ ràng đúng không? Đôi khi mình tức ai quá thì mình sẽ nói như vậy, tức quá nên mình nói cho được, mà nói gây chia rẽ để lôi kéo người khác. Đó là toàn là nghiệp nói hai lưỡi.

3. Nói ác khẩu: ‘Lời nói thô bạo, làm tổn thương người khác, phát xuất từ sân hận. Không nhất thiết là nói dối hay chia rẽ, mà là làm đau người khác bằng lời nói’.

Lời nói ác khẩu là gì? Lời nói mình thô bạo, gây tổn thương người khác và xuất phát từ tâm sân hận. Và ở đây nói là không nhất thiết là nói dối hay nói chia rẽ, mà

làm đau người khác bằng lời nói. Ví dụ nói một lời gì đó, có nhiều khi người ta chửi ngu quá đúng không? Hay là mình nói gì đó mà mình mang đau khổ cho họ. Như vậy đó là lời nói ác khẩu. Đó! Chúng ta để ý.

Đặc điểm:

- Chửi rủa.
- Mắng nhiếc.
- Lời cay độc, nhục mạ.
- Lời nói làm người khác đau khổ.

Và ở đây tâm đó là Tâm sân.

4. Nói lời phù phiếm: ‘Nói chuyện vô ích, không đúng thời, không lợi ích, làm tâm tán loạn. Không ác rõ rệt như nói láo hay ác khẩu, nhưng nuôi dưỡng si và phóng dật’.

Loại này thì đỡ hơn đúng không? Nói lời phù phiếm tức là nói chuyện vô ích, không đúng thời, làm cho tâm người ta tán loạn đi. Như vậy Đức Phật nói đó là nói lời phù phiếm. Và điều này không có ác rõ rệt như là nói láo hay là nói ác khẩu, nhưng nuôi dưỡng si và phóng dật.

Bốn đặc điểm:

- Nói cho vui miệng.
- Chuyện nhảm nhí.
- Không hướng đến thiện pháp
- Khiến tâm người nghe tán loạn.

Điều này thường là Tâm tham với Tâm si.

Chúng ta [đã] hiểu hết các lời nói này.

Tổng kết về Quả báo của Ác nghiệp theo Kinh 8.40 trong Kinh Tăng Chi Bộ			
TT	Loại nghiệp	Nặng	Nhẹ
1	Sát sanh	Đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh	Làm người với tuổi thọ ngắn

2	Trộm cắp	Đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh	Làm người với sự tổn hại tài sản
3	Tà hạnh	Đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh	Làm người với sự oán thù của kẻ địch
4	Nói dối	Đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh	Làm người bị vu cáo không đúng sự thật.
5	Nói lười đôi chiều	Đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh	Làm người với bạn bè bị đổ vỡ.
6	Nói lời thô ác	Đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh	Làm người mà bị nghe những tiếng không khả ý.
7	Nói lời phù phiếm	Đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh	Làm người mà bị nghe những lời khó chấp nhận.
8	Uống rượu	Đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh	Làm người với tâm điên loạn.

Ở đây, thứ nhất, nếu nghiệp sát sanh mà nặng thì đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Còn nhẹ thì làm người với tuổi thọ ngắn. Tương tự như vậy, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói lười đôi chiều, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm và uống rượu, thì chúng ta thấy nghiệp nặng đều đưa vào ba đường ác hết. Chỉ có [quả] nhẹ là khác nhau. Trộm cắp là làm người với sự tổn hại tài sản. Tà hạnh là làm người với sự oán thù của kẻ địch, cho nên có oán thù là do tà dâm. Rồi nói dối thì làm người bị người vu cáo không đúng sự thật. Nói lười đôi chiều thì làm người với bạn bè mình đổ vỡ. Tức là trong các bạn bè của mình bị đổ vỡ, cho nên không được. Nói lời thô ác thì làm người bị nghe những tiếng không khả ý. Cho nên tại sao mình không nghe được tiếng khả ý, đó là mình nói lời thô ác. Nói lời phù phiếm thì quả báo nhẹ là làm người bị nghe những lời khó chấp nhận. Và uống rượu thì làm người với tâm điên loạn. Cho nên là ai uống rượu thì cũng bớt, hạn chế đi nha. Quả báo nhẹ là vậy, còn quả báo nặng là đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Quý vị thấy rất rõ ràng nha! Trong kinh Thiện Trang đã tổng kết như vậy, quý vị chỉ cần nhớ cái bảng này thôi, để mình cố gắng tránh bớt.

Đó là phần thứ hai. Bây giờ chúng ta sang phần thứ ba:

Trong Pháp Được Vụng Thuyết (Pháp Tà) Thì Người Tinh Tấn Sống Đau Khổ
(Trích từ Kinh Tăng Chi Bộ)

Bắt đầu kinh như sau:

Trong một pháp luật được vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, người tinh cần tinh tấn sống đau khổ. Vì có sao? Vì pháp được vụng thuyết.

Quý vị thấy ở trong này, Thiện Trang có coi Chú Giải của Pali giải thích về pháp được vụng thuyết như sau: “Gọi là pháp được vụng thuyết vì được thuyết bởi bậc **Đạo sư có Tà kiến**”. Cho nên là pháp nào mà do người Đạo sư (người thầy có Tà kiến) thuyết thì pháp đó là vụng thuyết.

Quý vị thấy trong Pháp, Luật (Giới) mà vụng thuyết như thế, ai mà tinh cần (siêng năng tinh tấn) nữa, thì người đó sống đau khổ thêm nha! Cho nên quý vị thấy, tại sao có những pháp tu bây giờ gọi là đội lốt của nhà Phật, nhưng người ta tinh cần tinh tấn thì người ta sống đau khổ. Thì chính là đây! Quý vị thấy Đức Phật nói ra dấu hiệu pháp vụng thuyết, tức là pháp tà, ông thầy có Tà kiến, ông giảng như vậy thì càng tu tinh tấn bao nhiêu thì càng sống đau khổ nhiều. Rõ ràng là như thế.

Tiếp theo, ý thứ hai:

Trong một pháp luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, người biếng nhác sống đau khổ. Vì có sao? Vì pháp được khéo thuyết.

Trong pháp chánh rồi, pháp được thầy tốt dạy rồi, nhưng vẫn có những người sống đau khổ. Vì sao? Vì đó là người biếng nhác, không thực hành. Mình nghe, [nhưng] mình không thực hành thì mình sẽ sống đau khổ thôi. Cho nên có nhiều người hỏi: ‘Sao con tu không có được gì?’ Tại vì pháp thì là chánh pháp của Phật rồi, nhưng không chịu thực hành, chỉ nghe thôi. Nghe mà không thực hành [thì không được gì].

Quan trọng là mình thực hành điều tâm đúng không quý vị? Pháp mà chúng ta thấy đơn giản nhất là mỗi ngày mình [tu] Thiền chỉ một chút thôi. Thiện Trang thấy nhiều khi bận lắm, không có thời gian, bận việc này, bận việc kia, thì cũng chỉ có ngồi một chút thôi. Buổi trưa chẳng hạn, ngồi xuống một chút chừng 15 phút thôi, tu đề mục hơi thở đó quý vị, chỉ cần dùng hơi thở hít vô thở ra, hít vô thở ra, hòa với hít vô thở ra đó, dùng Thiền chỉ. Thì thấy người dễ chịu, khỏe, giống như nạp năng lượng vậy. Ngày nào mà không chịu làm nhiều thì mệt, còn làm càng nhiều thì càng khỏe.

Cho nên pháp mà đã khéo thuyết rồi, tức là chánh pháp rồi, được người Đạo sư chân chánh giảng rồi, mà mình không thực hành, mình lười biếng (biếng nhác) thì sống đau khổ ráng chịu thôi. Cho nên là phải thực hành nha! Phải thực hành. Chứ còn không thực hành thì dù có pháp khéo thuyết tức là pháp chánh rồi, mà người lười biếng thì cũng sống đau khổ thôi.

Trong một pháp luật được vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, ai sống biếng nhác, người ấy sống đau khổ. Vì có sao? Vì pháp được vụng thuyết.

Tức là trong pháp tà hay nói là ông thầy Tà kiến giảng (tà tức là Tà kiến), thì người biếng nhác cũng khổ, chứ không phải là là sướng đâu. Người biếng nhác cũng sống đau khổ, nhưng biếng nhác thì đỡ hơn người tinh tấn. Tinh tấn càng đau khổ, đau khổ hơn nữa. Càng tinh tấn thì càng đau khổ mà. Ở đây chúng ta hiểu là biếng nhác cũng đau khổ. Cho nên là sống đau khổ là do pháp sai. Cho nên pháp quan trọng lắm!

Trong một pháp luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, ai sống tinh cần tinh tấn, người ấy sống an lạc. Vì có sao? Vì pháp được khéo thuyết.

Pháp được khéo thuyết tức là [pháp được] vị thầy, bậc Đạo sư có Chánh kiến thuyết. Được như vậy [rồi], mà người nào siêng năng thực hành thì người đó được sống an lạc. Cho nên muốn sống an lạc thì phải rơi vào trường hợp thứ tư này.

((1.324-327) (SF 196.21–SF 196.22)- Phẩm 1 Pháp - Kinh Tăng Chi Bộ).

Ở đây, Thiện Trang tóm tắt lại cho dễ.

Chú giải Pāli giải thích về Pháp được vụng thuyết như sau:			
“Dappaññatto nāma micchādiṭṭhiko satthā”.			
“Gọi là pháp được vụng thuyết vì được thuyết bởi bậc Đạo sư có tà kiến. ”			
TT	Loại pháp	Loại người	Kết quả
1	Vụng thuyết (tà kiến)	Tinh tấn	Sống đau khổ
2	Khéo thuyết	Biếng nhác	Sống đau khổ
3	Vụng thuyết (tà kiến)	Biếng nhác	Sống đau khổ
4	Khéo thuyết	Tinh tấn	Sống an lạc

Ở đây gồm có: [Cột thứ nhất] là Thứ tự, [cột thứ hai] là Loại pháp, [cột thứ ba] là Loại người, [cột thứ tư] là Kết quả.

1. Một là pháp vụng thuyết, tức là có tà kiến trong đó. Người tinh tấn thì sống đau khổ.

2. Hai là pháp khéo thuyết. Người biếng nhác cũng sống đau khổ.

3. Thứ ba là pháp vụng thuyết, tức là tà kiến. Người biếng nhác cũng sống đau khổ.

4. Chỉ trường hợp thứ tư là trong pháp khéo thuyết, thì người tinh tấn sẽ sống an lạc.

Chúng ta thấy là rõ ràng chỉ có một trường hợp duy nhất là người tinh tấn, nhưng phải gặp pháp chánh nữa thì mới sống an lạc.

Điều này bác câu nói [mà] người ta hay nói đó quý vị: *‘Người tà tu pháp chánh cũng thành tà. Người chánh tu pháp tà cũng thành chánh’*. Ở đây là không đúng đúng không? Làm sao đúng được? Người tinh tấn nhưng tu trong pháp vụng thuyết (pháp tà) thì sống đau khổ chứ sao vui được. Cho nên trong kinh có những điều này rất rõ ràng.

Vì vậy tu hành quý vị cứ phải quan sát. Quý vị ở đây thì chắc yên tâm rồi, bây giờ học vô chánh kinh của Phật rồi, không sợ, chứ hồi xưa là học cứ nghe người rồi thực hành một hồi thấy đau khổ. Có nhiều người đồng tu, đặc biệt đồng tu Tịnh Độ,

[tu] một hồi rất là đau khổ, bởi vì sống rất là sợ sệt, đủ các kiểu. Rồi sống còn không dám ăn, không dám xài v.v... đủ các kiểu, nên cuối cùng sống đau khổ. Ai càng tinh tấn thì càng đau khổ hung, còn người giải đãi thì đỡ bớt đúng không? Người giải đãi thì dù sao họ cũng không dám làm lắm, họ làm sơ sơ thôi, thì họ còn đỡ hơn chút, nhưng vẫn khổ. Cho nên pháp khéo thuyết thì mới tinh tấn thôi. Trong pháp khéo thuyết mà người tinh tấn thì mới sống an lạc.

Đó là nội dung thứ ba rồi. Bây giờ là nội dung thứ tư. Nội dung này, cũng hứa với quý vị lâu rồi, bữa nay học những điều này. Để mình dành thời gian học Vi Diệu Pháp, cho nên ghé nhanh mấy phần này.

Sự Khác Biệt Giữa Như Lai Và Thanh Văn. Thập Lực Của Như Lai

(Theo Kinh Tạp A Hàm)

Đức Phật khác với hàng Thanh văn ở điểm nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài kinh này. Và Thập lực của Như Lai là gì? Mục tiêu là vậy. Tại vì có người hỏi: “Thưa thầy, Thập lực Như Lai là thế nào?” Thì bây giờ chúng ta vào đây, chúng ta học bài này:

Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Phật ở trong vườn ông Cấp-cô-độc, rừng cây Thái tử Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào đối với Sắc mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-ha Tam-miệu Tam-Phật-đà. Đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng nói như vậy.

Đầu tiên, Đức Phật nói, nếu vị Tỳ-kheo nào mà đối với Sắc, rồi đằng sau nói Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tức là đối với Ngũ uẩn. Sắc là thân thể mình, thân thể vật lý của mình, gồm có xương, tay chân rồi đủ các kiểu, nếu mà yểm ly (yểm ly là chán, chán nhàm, không có muốn nữa, muốn rời xa, chán rời xa), rồi ly dục (tức là không có ham muốn nữa), rồi diệt tận (tức là mình sẽ thực hành được đến mức độ không sanh khởi nữa) thì được giải thoát. Đó là sau này không có tái sanh nữa, không có thân kiêu đó

nữa.

Rồi đến với Thọ tức là cảm thọ, cảm nhận của mình về khổ, về vui, về không khổ không vui. Tưởng tức là những suy tư, những suy nghĩ dựa trên tri kiến của quá khứ, kinh nghiệm, cái biết, suy nghĩ của mình tự tưởng ra. Giống như bây giờ mình nói màu xanh, thì ai cũng có kinh nghiệm đúng không? Tưởng ra được màu xanh, có người thì tưởng ra màu xanh này, người kia thì tưởng ra màu xanh kia. Còn nếu một đứa nhỏ mới lớn, không biết màu xanh là gì hết, thì không tưởng tượng được. Mấy đứa nhỏ mới ra đời nên chưa biết.

Cho nên mình nói điều gì là phải dựa trên kinh nghiệm. Tưởng tức là cái biết, suy nghĩ đó dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ. Từ cái biết quá khứ, rồi biết trong hiện tại, là nghe âm thanh hay là lời nói, hay là gì đó v.v... rồi mới suy nghĩ. Có khi tưởng về tương lai nữa. Ví dụ chúng ta nói: “Năm nay Việt Nam mình sẽ ăn Tết lớn”. Mình nói một câu vậy đó, thế là mọi người trong đầu tưởng tượng ra ngay là Tết năm nay, tới ngày bao nhiêu đó là Tết, rồi ăn Tết như thế nào... Tại vì mình có kinh nghiệm ăn Tết rồi. Rồi ăn Tết lớn không v.v... Bắt đầu suy nghĩ, kêu năm nay chắc kinh tế khó khăn nên ăn Tết nhỏ. Đó là mình tưởng về tương lai, tưởng là suy tưởng.

Hành gồm có khía cạnh thiện ác, tạo nghiệp về ba nghiệp: Nghiệp của thân là những việc làm, nghiệp của miệng là lời nói, và nghiệp của ý. Nếu nói theo Vi Diệu Pháp là 50 Tâm sở, có Tham, Sân, Ngã mạn, Ngã kiến, Nghi v.v... 52 Tâm sở, thì chúng ta thấy có Tâm sở Thọ và Tâm sở Tưởng, là hai Tâm [sở] rồi, thì bây giờ chỉ còn như vậy thôi.

Cuối cùng, Thức là gì? Thức là cái biết, mình nói ngôn ngữ trong Vi Diệu Pháp là tâm nữa. Thức là cái biết của tai, biết của mắt. Mắt thì mình biết được hình sắc, ví dụ như quý vị nhìn vô thấy tượng Phật đây, là mình biết ngay tượng Phật màu trắng, mình biết là tượng Đức Phật Bổn Sư Thích Ca. Mình biết bên này có đèn, biết đây là micro, tại vì cái biết qua nhìn thấy. Có người không biết là cái gì, thì biết qua tai nghe đó. Biết qua con mắt gọi là Nhãn thức, biết qua tai gọi là Nhĩ thức, biết qua mũi gọi

là Tỷ thức, biết qua lưỡi của mình nếm vị là Thiệt thức, và biết qua thân thể xúc chạm gọi là Thân thức.

Ví dụ như bây giờ ban đêm, mình đâu có thấy đường đâu, nhưng mình có thể dùng cái biết nào để kiếm đồ được? Đó là cái biết của thân thể mình tiếp xúc, mình đụng cái này, đụng cái kia, mình biết đường đi đúng không ạ? Thức là như vậy, và đồng thời cũng là tâm mình nữa. Có Thức biết về Pháp nữa, ví dụ như mình nói Phật, thì ai cũng biết Phật là gì, đó là biết của Thức.

‘Đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng nói như vậy’. Tức là cũng sanh tâm yểm ly, cũng ly dục, cũng diệt tận, không sanh khởi nữa, giải thoát. Đó là bậc A-la-ha Tam-miệu Tam-Phật-đà, tức là Đức Phật, chữ này có nghĩa là Phật Toàn Giác.

Tức là Phật Toàn Giác cũng giải thoát được như vậy, nghĩa là không còn có chấp Ngũ uẩn nữa. Cho nên tại sao phá Thân kiến quan trọng như vậy. Mình chấp Ngũ uẩn đó là ta, có ta ở trong Sắc, có ta ở trong Thọ, có ta trong Tưởng, có ta trong Hành, có ta trong Thức. Ai chấp như thế thì người đó có Thân kiến đúng chưa? Có nghĩ trong đó. Cho nên thật sự [nếu] quý vị học kỹ thì quý vị sẽ không có những cái này nha. Nhớ là không có những cái này. Chúng ta nói đơn giản như vậy!

Cho nên ai còn chấp vào đây là ta, thân thể này là ta thì chịu rồi. Chấp vào Thọ là ta, cảm nhận nóng lạnh, vui buồn gì đó là ta, là không được rồi. Rồi [chấp] Tưởng cũng là ta, như ta suy nghĩ, rồi biết của ta nữa. Rồi chấp Hành tức là làm những nghiệp của ta nữa, thì đó là dính vào Thân kiến. Và có Thân kiến như vậy thì có luân hồi. Khi nào mình dứt được ra thì mình hết luân hồi. Sơ quả Tu-đà-hoàn đã phá được Thân kiến, Giới cấm thủ và Nghi, nhưng chưa dứt liền được luân hồi, vì còn yếu. Còn đây là diệt tận, không sanh khởi nữa, giải thoát, thì đó là Phật. Ở đây nói là Phật nha!

Lại, nếu Tỳ-kheo nào đối với Sắc mà sanh tâm yểm ly, ly dục không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-hán Tuệ giải thoát. Đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng nói như vậy. (Tiếp theo A-la-hán Tuệ giải thoát cũng y chang như vậy luôn. Tức là giữa Phật và A-la-hán Tuệ giải thoát, về phần này thì giống nhau).

Này các Tỳ-kheo, giữa **Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác và A-la-hán Tuệ giải thoát**, có những gì sai khác?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc của pháp, là mắt của pháp, là nơi y cứ của pháp, xin vì chúng con mà nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành”.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì các người mà nói. (Ở đây ngôn ngữ dịch là ‘Ta sẽ vì các thầy mà nói’ thì đúng hơn, nên dịch như thế).

Tức là ở đây Đức Phật đưa ra về giải thoát, thì thấy Phật với A-la-hán giống nhau. Tức là đối với mấy điều trên là giống nhau. Nhưng bây giờ Đức Phật nói vậy thì khác nhau giữa Phật với A-la-hán (A-la-hán đây là A-la-hán Tuệ giải thoát) là chỗ nào? Các Tỳ-kheo mới nói là: Thế Tôn là gốc của Pháp, là mắt của Pháp, là nơi y cứ của Pháp, mong Ngài nói cho chúng con để chúng con nghe lãnh thọ (tức là tiếp nhận và phụng hành). Thì Đức Phật mới nói cho các vị Tỳ-kheo. Chúng ta nghe thử coi sự khác nhau giữa Phật và A-la-hán [Tuệ giải thoát] ở chỗ nào?

Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đối với pháp trước kia chưa nghe, có thể tự giác tri, ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh Giác, đối với đời vị lai thì có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các Thanh văn; tức là, Tứ niệm xứ, Tứ chánh đoạn, Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát thánh Đạo phần. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

Đoạn này Thiện Trang đã tô đỏ rồi, quý vị đọc coi Đức Phật có đặc điểm gì? ‘Đối với pháp trước kia chưa nghe, có thể tự giác tri được’, có nghĩa là đối với những pháp cho dù không ai dạy, không nghe ai giảng hết, thì Ngài cũng tự biết, khi thành Phật là biết hết. ‘Ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh Giác’, tức là tự mình chứng thôi, không cần ai dạy. ‘Đối với đời vị lai thì có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các hàng Thanh văn’, tức là Ngài giảng pháp cho người khác, để người ta tự giác ngộ luôn, các hàng Thanh văn.

Mà giảng điều gì? Đức Phật nói đi nói lại, đó là giảng Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần (Tứ chánh đoạn), Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề phần (Thất giác chi), Bát thánh Đạo phần. Tóm lại là 37 Phẩm trợ đạo, quý vị thấy không ạ? Cho nên học giáo pháp của Đức Phật nằm gọn trong này thôi. Đây là giảng cho hàng Thanh văn.

‘Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác’.

Đối với pháp chưa chứng đắc thì có thể sẽ chứng đắc (tức là pháp nào chưa chứng đắc thì Ngài chứng được hết); **Phạm hạnh chưa chế thì có thể chế** (tức là Ngài có thể chế Giới luật); **có thể khéo biết đạo, khéo nói đạo, vì chúng sanh mà dẫn đường** (tức là Ngài biết rất rõ cách giảng dạy làm sao, con đường tu tập làm sao để cho chúng sanh đi). **Sau đó khiến Thanh văn thành tựu tùy thuận pháp, tùy thuận đạo, vui thích vâng lời giáo giới, giáo thọ của Đại Sư, nên khéo thâm nhập Chánh pháp.** Đó gọi là những sự sai khác giữa Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác và A-la-hán Tuệ giải thoát. (Tức là Đức Phật làm được mấy điều đó, còn A-la-hán không làm được, quý vị nhớ!)

Thiện Trang đang viết bài để so sánh ba bậc: Phật Toàn Giác (là Đức Phật, là Như Lai) và Phật Độc Giác và A-la-hán, ba phương diện này khác nhau chỗ nào? Thì chúng ta thấy giải thoát thì giống nhau đúng không ạ? Đều là giải thoát rốt ráo sanh tử đạt đến Niết-Bàn. Niết-Bàn của ba bậc này ngang nhau, không có to nhỏ giống như sau này Đại thừa người ta nói. Thực tế chỉ có Niết-Bàn, không có to nhỏ. Ở trong kinh này chúng ta thấy rõ ràng và có nhiều bài kinh khác Đức Phật cũng nói như vậy. Cho nên Niết-Bàn thì giống nhau.

Nhưng sự khác là gì? Đức Phật là người có thể tự mình đi, Đức Phật giống như người bị lạc trong khu rừng, [nhưng Ngài] tự đi ra khỏi khu rừng được, tìm đường ra và vẽ lại bản đồ chỉ cho những người trong khu rừng đi ra được, dẫn dắt từng người ra được. Còn A-la-hán thì không có năng lực đó, A-la-hán phải theo bản đồ mà Đức Phật chỉ. A-la-hán giống như người đi theo bản đồ, theo con đường mà Đức Phật chỉ

thì mới ra được, tức là phải nghe pháp cho nên gọi là Thanh văn. Còn Bích-chi-phật hay Phật Độc Giác thì khỏi cần ai dạy, tự mình đi tìm con đường để đi ra được khỏi khu rừng sanh tử. Nhưng sau đó thì không có vẽ lại bản đồ được, không chỉ cho người khác đi như vậy được, không có khả năng.

Chúng ta thấy ví dụ đó rất rõ ràng, ba hạng người lạc trong rừng, rừng đó là rừng sanh tử luân hồi. Có một hạng người tự mình đi ra được và vẽ đường vẽ lối tắt cả các con đường trong khu rừng đó và chỉ cho người khác đi ra được, đó gọi là Phật. Người thứ hai là người tự mình ra được, nhưng đi có một đường đó thôi, cho nên không biết chỗ nào hết, không biết chỗ nào nữa, không biết khu rừng đó rộng rãi thế nào, nên không chỉ cho người khác được, không tự vẽ ra bản đồ được cho người khác được, đó gọi là Phật Độc Giác. Còn một hạng người thứ ba là phải nương vào bản đồ con đường Phật chỉ thì mới ra được, đó chính là Thanh văn.

Chúng ta may mắn, chúng ta tu thời này thì tất nhiên mình là chủng tánh Thanh văn. Mình nghe thì mình sẽ tu tập, mình thực hành thì mình ra được khu rừng sanh tử luân hồi. Còn không, ở trong đó là bị rắn rết bò cạp gì đó ăn thịt, xẻ thịt ở trong đó, cắn chết thì ráng chịu.

Đó là mình hiểu được điều này. Đức Phật có năng lực như thế, Ngài có thể biết đạo, nói đạo, dẫn chúng sanh ra được, Ngài giúp cho mọi người nghe pháp, tu theo pháp, thâm nhập. Đó là sự sai khác giữa Như Lai và A-la-hán Tuệ giải thoát.

Lại nữa, có năm học lực, mười lực Như Lai.

Những gì là học lực? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

Những gì là mười lực của Như Lai?

Chỗ này là nói tắt, A-la-hán có năm lực: Tín lực, Tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực. A-la-hán có năm lực này thôi, còn Phật ngoài năm lực này ra còn có mười lực. Mười lực của Như Lai, chúng ta học luôn.

(1) Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ, đó gọi là lực thứ nhất của Như Lai.

Nếu thành tựu lực này thì Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử.

Lực đầu tiên là biết như thật. Phải biết, nhưng biết như thật chứ không phải biết giữa chừng về xứ, phi xứ. Đó là lực thứ nhất của Như Lai.

Về xứ, phi xứ là gì? Là biết cái nào đúng, cái nào sai, biết điều nào có thể xảy ra, điều nào không thể xảy ra. Ví dụ như Đức Phật nói thế nào là thị xứ, phi xứ, Đức Phật cử ra một ví dụ như người phạm phu tạo tội Ngũ nghịch, đó là thị xứ. Thị xứ tức là điều đó có thể xảy ra. Còn người thành tựu Chánh kiến, tức là Sơ quả Tu-đà-hoàn (Bậc dự lưu) thì không bao giờ có chuyện đó. Tức là không bao giờ giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật ra máu, điều đó không xảy ra. Đó là thị xứ, phi xứ. Biết cái nào đúng, biết cái nào sai, xảy ra hay không xảy ra, Phật thì biết như vậy. Còn mình bây giờ không biết, không biết cái nào đúng, cái nào sai, mình là phạm phu mà, mình không biết. Thậm chí A-la-hán cũng không biết nữa, cho nên A-la-hán thua Phật. Đó là điều thứ nhất.

Chính vì thành tựu được điều này rồi, nên Đức Phật mới có đủ tối thắng trí như chư Phật quá khứ. Cho nên Đức Phật có thể chuyển Pháp luân và giảng pháp như tiếng sư tử rống, là do thành tựu được như vậy.

(2) Lại nữa, Như Lai biết như thật về nguyên nhân, trường hợp, báo ứng của pháp thọ bởi nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại; đó gọi là lực thứ hai của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. (Đoạn sau giống nhau, chúng ta để ý chữ màu đỏ thôi).

‘Như Lai biết như thật về nguyên nhân, trường hợp báo ứng pháp thọ bởi nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại’. Tức là Đức Phật biết nguyên nhân của nghiệp đó là sao, trường hợp đó tại sao bị nghiệp đó và báo ứng như thế nào trong quá khứ, hiện tại, tương lai. Tức là bây giờ quý vị tạo một nghiệp, thì Đức Phật có thể quan sát rằng

ngiệp này tương lai cho quả gì. Giống như Đức Phật làm một nghiệp, là Ngài phát nguyện Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâm Ngài phát nguyện như thế thôi, Đức Phật quá khứ nhìn thấy Ngài tuy là một người như vậy thôi, nhưng thấy Ngài tương lai sẽ thành tựu một vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là thành Phật sắp tới. Thì nghiệp này sẽ đưa đến như vậy. Cho nên Đức Phật đó đứng ra thọ ký cho. Hoặc là quý vị tu hành, đời này mình không gặp Phật, chứ mình gặp Phật, Đức Phật nhìn thấy mình [là Ngài biết] mình tu như vậy thì tương lai thành tựu như thế này, như thế kia. Tức là Ngài thấy được hiện tại và tương lai. Ngài biết được nghiệp tạo như vậy ra kết quả tương lai như thế nào.

Không chỉ vậy đâu, Ngài biết được kết quả bây giờ mình nhận đó là do vì sao. Ví dụ trong thời Đức Phật, có những câu chuyện mà mình thấy rất đau lòng, như vị này bị chuyện gì, vị kia bị chuyện gì đó. Thật ra Đức Phật biết rõ nghiệp đó. Nếu như hỏi Phật, thì Phật nói do đời quá khứ họ làm nghiệp này nên là bị [thế] này.

Giống như chuyện các vị Tỳ-kheo tự sát trong khi quán bất tịnh, rồi muốn người giết mình vì nhàm chán thân thể. Đức Phật biết là do đời quá khứ họ làm nghiệp săn bắt, cho nên tự nhiên bây giờ chiêu cảm như vậy. Nguyên nhân là sao, nghiệp như thế nào, báo ứng như thế nào, Phật biết rất rõ. Đó là trí biết về nghiệp báo của chúng sanh, mà biết như thật nha. Còn mình thì biết không như thật, tức là mình đoán mò. Cho nên nhiều khi mình hỏi ông thầy nào đó, ví dụ hỏi: ‘Thưa thầy, con hay bị người ta lừa gạt, vậy có phải quá khứ con hay lừa gạt người ta không?’ Ông thầy cũng nói ‘chắc vậy’, nhưng ông đâu biết rõ, ông chỉ biết vậy thôi. Tức là biết một cách mơ hồ, kêu chắc đời này bị lừa gạt là do đời quá khứ mình lừa gạt người ta. Còn nếu là Đức Phật, thì Ngài biết như thật đời quá khứ cách đây bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp, con đã từng lừa gạt người này với nghiệp này, nghiệp kia v.v... cho nên bây giờ con bị như vậy đó. Tức là nói cụ thể chi tiết ra, gọi là biết như thật.

(3) Lại nữa, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xử tịnh, của các thiên, giải thoát, Tam-muội, Chánh thọ, đó gọi

là lực thứ ba của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử. (Cũng giống như trên, [quý vị] để ý chữ đỏ thôi).

Lực thứ ba là ‘biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xứ tịnh, của các thiên, giải thoát, Tam-muội, Chánh thọ’. Ở đây kể ra mấy loại Thiên, [nhưng] không phải Thiên nào cũng ngon. Quý vị thấy có loại Thiên có nhiễm (hay là ác) hay là thanh tịnh, hay là chỗ nào xứ tịnh của các loại thiên giải thoát, Tam-muội, hay Chánh thọ. Đây là chỉ mới kể sơ sơ.

Thật ra những đồng tu Tịnh Độ chỉ biết một loại Thiên thôi, Tam-muội dịch là Thiên định, là Chánh thọ, dịch như vậy. Nhưng thật ra quý vị coi trong Kinh A Hàm và Kinh Nikaya thì thấy không phải như vậy. Thiên có rất nhiều loại Thiên, cho nên ở đây Đức Phật kể ra các Thiên, ví dụ như Chánh thọ và Tam-muội là hai loại Thiên khác nhau. Có những loại Thiên đem lại cho người ta sự thanh tịnh, có những loại Thiên mà người ta còn dính mắc. Và thế nào là Thiên giải thoát, thế nào là Thiên thế gian, thế nào là Thiên xuất thế gian đó.

Và Tam-muội và Chánh thọ khác nhau. Hồi xưa, Thiện Trang đọc trong Kinh Tạp A Hàm tới chỗ nói thiên Tam-muội và Chánh thọ không giống nhau, rồi một trời Thiên nữa, nhiều Thiên lắm. Thiện Trang mới thôi, không tin mấy vị Tổ sư Tịnh Độ nữa, tại vì các vị đó gộp tất cả vô một hết, kêu cái này cũng là cái kia thì thua rồi. Trong khi đó Đức Phật chia ra chi tiết.

Tam-muội, Chánh thọ là gì? Tam-muội có nghĩa là Thiên định, có định. Nhưng định này thuộc về định thế gian. Chánh thọ cũng là Thiên định, nhưng Thiên định này là Thiên định xuất thế gian. Tức là đã có Chánh thọ, thì phải có Chánh tri kiến. Chánh kiến, chứ không phải Tà kiến được. Có nghĩa là Tam-muội này gọi chung chung là Thiên định. Nhưng Chánh thọ là Thiên mà người đó ngoài Thiên định ra phải có Chánh kiến, thậm chí phải có giải thoát, chứ không phải dễ gì mà có Chánh thọ. Khác nhau

đó!

Quý vị muốn biết điều này thì để khi nào đó Thiện Trang sẽ giảng bài kinh về các loại Thiền. Hoặc quý vị mở Kinh Tạng A Hàm (Kinh 869 trong bản in của ngài Tuệ Sỹ, tên là Tứ Chứng Thiền). Tứ Chứng Thiền nghĩa là bốn loại Thiền, nhưng không phải bốn loại Thiền đâu mà là một trời Thiền trong đó. Có loại Thiền như thế này, có loại Thiền như thế kia, chia ra nhiều lắm. Có loại Thiền đưa đến Chánh thọ, có loại Thiền không đưa đến Chánh thọ, có loại Thiền đưa đến Tam-muội ác, có loại Thiền đưa đến Tam-muội thiện, nhiều lắm chứ không phải một loại Thiền đâu.

Chính vì vậy ở trong kinh Nguyên thủy dạy rất nhiều pháp hay, vừa pháp hành vừa pháp giải, đầy đủ. Còn qua các nhà Đại thừa Trung Hoa, quý vị thấy là người ta không biết gì hết, người ta nói không ra hồn gì hết. Ví dụ bộ Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ, thực tế là chỉ có lấy quyển Phật Học Từ Điển rồi bắt đầu đem từ đó tra ra, chép các đoạn trong đó ra. Cho nên chính vì vậy không đúng so với Chánh kinh. Từ khi Thiện Trang phát hiện ra như vậy thì Thiện Trang không có tin nữa. Tại vì có quá nhiều kiến thức không đúng, không chính xác so với kinh của Phật. Cho nên mình chỉ có tin kinh Phật thôi. May mắn là giờ mình học Phật là đúng rồi.

Quý vị thấy lực thứ ba của Như Lai là biết như thật về các loại thiền, Tam-muội v.v... Thiền thì có nhiều loại Thiền lắm. Có loại Thiền có thể nhiễm, có loại Thiền có thể ác, có thể thanh tịnh, có thể xử tịnh, Thiền có thể giải thoát, thiền Tam-muội, thiền Chánh thọ. Có [loại Thiền] không có Chánh thọ, có loại vừa không có Tam-muội vừa không có Chánh thọ. Có loại vừa có Tam-muội, vừa có Chánh thọ, đủ các kiểu, nhiều loại Thiền lắm. Phật biết hết, còn mình không biết gì hết đúng không? Cho nên mình là Thanh văn, mình kém vậy đó.

(4) Lại nữa, Như Lai biết như thật những sai biệt căn tánh khác nhau của tất cả các loài chúng sanh; đó gọi là lực thứ tư của Như Lai. Thành tựu được lực này Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xử như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

Tất nhiên thành tựu lực này thì Ngài cũng vậy, giống như trên. Lực thứ tư này là biết được như thật về căn tánh sai biệt của chúng sanh. Tức là biết người này là sao, người này có khả năng làm việc lớn này, người này nhút nhát, người này thích tu ngoại đạo, người này thích tu Chánh đạo, người này thích tu Thiền chỉ này, người này thích tu Thiền quán này, v.v... Người này có khả năng học pháp này, người này có khả năng học cái này, người này có khả năng học cái kia. Đức Phật biết rõ như vậy hết, cho nên Ngài giảng pháp mới được. Còn mình đâu biết đâu, mình đoán mò, nhiều khi nghiệp che, tưởng người ta như vậy, nhưng không phải như vậy, cho nên mình bắt bệnh sai. Bắt bệnh sai thì cho thuốc sai. Cho thuốc sai thì người ta không hết bệnh, cho nên người ta không được giải thoát. Hên thì trúng, xui thì thôi.

(5) Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả mọi ý giải của chúng sanh; đó gọi là lực thứ năm của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rồng lên tiếng rồng sư tử.

Tức là có thể giảng pháp cho chúng sanh. Ở đây là ‘biết như thật về tất cả mọi ý giải của chúng sanh’, tức là chúng sanh muốn biết điều gì (xu hướng của họ), quý vị nghĩ gì, muốn gì, suy nghĩ gì, thích gì, muốn kiêu gì, thích sống trong rừng hay sống thành thị, thích kiêu hưởng thụ hay thích khổ hạnh, Đức Phật biết hết. Biết từng suy nghĩ, biết khuynh hướng của mình, cho nên rất là tuyệt vời. Chính vì vậy mới giúp mình giải thoát được, giảng pháp mới đúng căn cơ của mình.

(6) Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả các giới loại khác nhau của thế gian chúng sanh; đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rồng lên tiếng rồng sư tử.

Lực thứ sáu gọi là ‘biết như thật về tất cả giới loại của chúng sanh’. Tức là chúng sanh phân theo giới loại như thế nào? Đức Phật phân ra ba cõi cũng được (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới), Đức Phật có thể phân ra thành 28 tầng Trời, Đức Phật có

thể chia nhỏ nhiều hơn nữa. Cõi Người bao nhiêu, Súc sanh có bao nhiêu loài, chúng sanh rỗng, kim sí điều, bao nhiêu loài cá, bao nhiêu con gì, con gì.... Đức Phật biết hết. Tất cả giới loài của chúng sanh thể nào, Đức Phật biết sạch.

Còn mình không biết, bây giờ khoa học nghiên cứu bao nhiêu năm rồi, chỉ biết bao nhiêu loài, lâu lâu phát hiện ra: Ô! Có loài sinh vật mới, ở đâu đó, có loài động vật mới, có loài vi khuẩn, virus nào đó mới, cứ thỉnh thoảng phát hiện thêm. Có loài cá mới, có loài gì đó mới, cứ thế phát hiện dần dần. Còn Phật là biết hết, thế cho nên mới gọi là tu nhiều kiếp dài lâu, còn Thanh văn thì không biết.

Cho nên là hồi xưa mình nghe nói những người ‘Minh tâm Kiến tánh’ là biết hết được tất cả. Thật ra là không! Vì lực của Như Lai mới có, ai thành Phật mới có, còn người thành A-la-hán thì không có đâu. Thành Phật đâu có dễ đâu, tu lâu lắm mới được, chứ đâu phải tu một cái được liền.

(7) Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả chí xứ đạo, đó gọi là lực thứ bảy của Như Lai. Thành tựu được lực này thì Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

Ở đây là ‘biết như thật về tất cả chí xứ đạo’. Chí xứ đạo tức là con đường dẫn đến đâu. Tức là mình tu pháp này sẽ đi về đâu, Đức Phật biết hết. Ví dụ người vô tu môn giải thoát, tu bằng Thiền năng lượng, thì Đức Phật biết ngay tu [pháp] đó đi đến đâu? Tu Thiền đó là biết về [tầng trời] Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tu Thiền kia là biết về trời Vô Sở Hữu Xứ, biết hết từng cái. Hoặc làm nghiệp nào, rồi đạo Lỗa thể tu sẽ được gì, biết họ làm việc đó thì sẽ đi về đâu. Cho nên [Phật] biết tất cả chí xứ đạo, việc làm đó sẽ đưa đến kết quả như thế nào, đưa đi đâu. [Đức Phật] đều biết rất rõ như vậy.

(8) Lại nữa, Như Lai biết như thật về Túc mạng, nhớ những sự khác nhau trong đời sống, từ một đời cho đến trăm, nghìn đời, từ một kiếp cho đến trăm, nghìn kiếp; Ta bây giờ sinh vào chủng tộc như vậy, dòng họ như vậy, tên như

vậy, ăn như vậy, cảm giác khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, mạng sống chấm dứt như vậy; ở chỗ kia Ta chết đi, ở chỗ này sinh ra, chỗ này sinh ra, chỗ kia chết đi, hành như vậy, nhân như vậy, phương như vậy; đó gọi là lực thứ tám của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này thì Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

Điều này là trí về Túc mạng. Túc mạng là Phật biết hết những gì trong đời quá khứ của Ngài, biết hết. Mà biết rất rõ từng chi tiết, chứ không phải mơ mơ màng màng. Ai tu khá khá chút thì cũng biết được sơ sơ, thấy một chút thôi, thấy không rõ, cũng không có biết nhiều đời. Có thể biết [được] chút ít thôi chứ không có rõ, vì Túc mạng không bằng [Phật]. Còn Phật biết chi tiết cụ thể, dòng họ sanh ra như thế nào v.v...

Sẵn đây nói luôn, quý vị coi trong Kinh Tương Ưng, Đức Phật không chỉ ra đâu là điểm khởi đầu trong luân hồi (luân hồi là vô thủy). Ai mà mới học thì nghĩ là: ‘Ôi, mình đã bắt đầu bao nhiêu kiếp rồi’. Đó là một quan điểm sai lầm! Tức là mình đã rơi vào trong thế giới Hữu biên hay Vô biên, mình chấp vào cái biên, là mình rớt vào một Tà kiến của ngoại đạo. Tức là mình có một Tà kiến chấp Thường, chấp Đoạn, chấp Hữu biên hay Vô biên v.v...

Thế giới này hay lắm, vòng luân hồi gần như là vô tận, nếu như mình không thoát ra. Cho nên không biết đâu là điểm đầu, đâu là điểm cuối, giống như ở trên vòng một tròn không chỉ được đâu là điểm bắt đầu. Cũng vậy, luân hồi của mình, ai mà kiến đế thì mới hiểu được. Thậm chí kiến đế còn không hiểu. Tóm lại là không chỉ ra được cái điểm bắt đầu. Tại vì chúng ta sống trong thế giới tương đối, chúng ta sống trong thế giới này, chúng ta nghĩ cái gì cũng phải có bắt đầu và có kết thúc, có đầu và cuối. Thì đúng như vậy, có những cái có bắt đầu và có [điểm] cuối. Nhưng có những cái không có bắt đầu. Ví dụ như vũ trụ hư không không có bắt đầu. Hư không xưa nay có hoài, có từ bao giờ, có miết như vậy thôi. Vậy thì đâu là bắt đầu? Không có đâu là

bắt đầu hết, đó là một trải nghiệm mình có thể hiểu được.

Cũng vậy, vô thủy là luân hồi, vô thủy đó, Đức Phật nói không chỉ ra được điểm bắt đầu. Cho nên có nhiều người hỏi ta là gì? Quý vị hiểu được điều đó thì quý vị cũng hiểu ta là gì. Rồi từ đó quý vị mới chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn. Tức là mình hiểu được ra vấn đề: Vô thủy là luân hồi, không có chỉ ra được điểm đầu. Cũng giống hư không này, mình nói hư không này có từ khi nào? Quý vị có đặt câu hỏi hư không vũ trụ này có từ khi nào không? Vật chất thì quý vị có thể đặt ra là có từ khi nào được, còn hư không thì chắc quý vị không nghĩ có từ khi nào, đúng không ạ? Bây giờ khoa học chứng minh năng lượng có từ khi nào? Nhà khoa học cũng nói là: 'Năng lượng không tự nhiên sinh ra, cũng không tự nhiên mất đi, mà chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác'. Vật chất cũng vậy, cũng không tự nhiên sinh ra, cũng không tự nhiên mất đi, mà chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác, chuyển từ nơi này sang nơi khác.

Như vậy vô thủy chính là luân hồi. Quý vị hiểu được mấy điều đó thì quý vị hiểu được thôi. Ví dụ nói vật chất thì chắc quý vị hiểu. Ví dụ như hiện nay mình đang xài cái bàn, ai cũng có cái bàn bằng gỗ đúng không? Nhưng rồi một ngày nào đó nó mục hư, [hay] đốt thì biến thành tro. Tro thì có mất không? Tro [thì] cũng còn đó thôi, tro chuyển xuống đất thành đất, [rồi] cây hút lên thì chuyển thành cây khác, chuyển vô người khác, chuyển vô động vật khác. Tóm lại vật chất đó không tự nhiên sinh ra, cũng không tự nhiên mất đi, mà chỉ chuyển từ nơi này sang nơi khác, [từ] dạng này sang dạng khác. Bao giờ trái đất này nổ tung, cháy rụi, thì vật chất vẫn còn. Mình thấy cháy, thật ra chỉ cháy cái xác thôi, chuyển vật chất này sang vật chất khác, có phản ứng cháy. Khi đốt lửa lên thì cháy, từ chất này biến thành chất khác, thành dạng khác, mình tưởng không có. Giống như nước, khi mình đun [ở] 100 độ C [thì] bay hơi, mình kêu: Ôi, nước mất hết trơn rồi. Thực tế không phải! Nước là chỉ chuyển từ dạng lỏng sang dạng khí bay hơi lên thôi. Rồi khi đủ điều kiện thì hội tụ lại thành mưa, thành nước rớt xuống lại. Rồi khi nào [ở] 0 độ C thì hội tụ [lại] thì thành đá.

Như vậy rõ ràng nó đâu có mất đâu! Nước vẫn là nước. Hoặc nó chuyển vào cơ

thể con người, chuyển vào cơ thể động vật, hoặc chuyển xuống sông, chuyển xuống đâu đó, nó có mất đâu. Không bao giờ mất! Tức là bản chất của nước không mất, 2 phân tử Hydro và 1 phân tử Oxy thành H_2O , nó đâu có mất đúng không?

Cũng như vậy, dòng tâm thức trong luân hồi, nghiệp báo trong luân hồi cũng như vậy. Quý vị hỏi mấy phân tử, nguyên tử có từ khi nào? Cũng vậy, mình đi hỏi tâm thức mình, nghiệp mình tạo từ khi nào? Thì không tìm ra được đầu mối. Khi nào quý vị hiểu như vậy thì quý vị dễ kiến đế hơn. Cho nên đừng có tìm nữa, 'vô thủy luân hồi', đi tìm mấy cái đó là tìm không được. Tìm gì ra! Không có khởi đầu mà, cứ miết miết như vậy. Bây giờ hỏi bắt đầu từ đâu? Nó cứ như vậy hoài, khi nào chấm dứt sanh tử thì hết, chứng A-la-hán trở lên [thì hết sanh tử] nha.

Như vậy là chúng ta đã rõ ràng về Túc mạng. Lực thứ chín:

(9) Lại nữa, Như Lai bằng Thiên nhãn hơn mắt người thường, thấy chúng sanh lúc sinh lúc chết, đẹp, xấu, thua, hơn, hướng về đường dữ, hướng về đường thiện, theo nghiệp mà thọ báo, tất cả biết như thật; chúng sanh này do nghiệp ác của thân thành tựu, do nghiệp ác của miệng, ý thành tựu, hủy báng Hiền Thánh, sẽ mắc nghiệp tà kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào đường dữ, sanh vào trong Địa ngục; chúng sanh này, thân làm việc thiện, miệng, ý làm việc thiện, không hủy báng Hiền Thánh, sẽ lãnh nghiệp chánh kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh về đường thiện cõi Trời; tất cả biết như thật; đó gọi là lực thứ chín của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rồng lên tiếng rồng sư tử.

Ở đây, Thiên nhãn mình là biết hết tất cả nghiệp báo của chúng sanh luôn. Cho nên rất đặc biệt! Ví dụ biết chúng sanh lúc sinh, lúc chết, đẹp, xấu thế nào v.v... thành tựu do làm nghiệp gì, nên [nghiệp báo] thế nào. Ví dụ như hủy báng Hiền Thánh thì đọa thôi. Còn không hủy báng Hiền Thánh, mà làm việc thiện, có Chánh kiến thì được

lên cõi Trời. Như vậy Phật biết hết tất cả.

(10) Lại nữa, Như Lai các lậu đã dứt sạch, Tâm giải thoát Vô lậu, Tuệ giải thoát, hiện tại tự chứng tri, thân tác chứng, tự biết rằng: ‘Sự sinh của Ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, không thọ hậu hữu nữa’.

Cuối cùng là các Phiền não thật sự hết sạch. A-la-hán cũng vậy, có Tâm giải thoát Vô lậu, Tuệ giải thoát (A-la-hán Tuệ giải thoát thì chỉ có Tuệ giải thoát thôi). Còn Đức Phật là được cả hai. Rồi ‘hiện tại tự chứng tri tức là hiện tại tự mình chứng, rồi mình biết luôn; ‘thân tác chứng’ tức là tự mình chứng được; ‘tự biết rằng: ‘Sự sinh của Ta đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, không thọ hậu hữu nữa’).

Quý vị nhớ, ai mà nói Đức Phật còn tái lai là tào lao. Chỗ này nói là: ‘Sự sinh của Ta đã dứt rồi, phạm hạnh đã lập rồi, những gì cần làm đã làm xong, không thọ hậu hữu nữa’. Đức Phật đâu có còn trở lại nữa đâu. Nhiều bài kinh nói như vậy. Mà bây giờ người đời sau, qua Trung Hoa nói Phật tái lai... Thực tế là không có nha. Đó là người ta Tà kiến. Chứ quý vị coi kinh, Đức Phật nói là không còn đời sau nữa, không có đời nào nữa, không có thọ hữu nữa, không có ở trong Hữu lậu nữa đâu, không có thân nào nữa, hết rồi, không có đời sống nào nữa.

Đó gọi là lực thứ mười của Như Lai. Thành tựu được lực này, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xử như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

Mười lực này chỉ có Như Lai mới thành tựu. Đó chính là những sự khác biệt giữa Như Lai và Thanh văn”.

Đức Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 652. Thập Lực - Kinh Tạp A Hàm).

Thiện Trang tóm tắt thôi, quý vị cứ tham khảo, coi tóm tắt đúng không?

Tóm tắt Kinh Thập Lực (Kinh 652) trong Kinh Tạp A Hàm
So Sánh giữa A-la-hán Tuệ giải thoát và Phật Toàn Giác

*Giống Nhau Về Phương Diện Giải Thoát: sanh tâm yếm ly, ly dục, diệt tận, không sanh khởi, giải thoát đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.	
*Khác Nhau	
1.A-la-hán Tuệ giải thoát	Có Ngũ lực: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ.
	Nghe Pháp của Phật mà Giác ngộ.
2.Phật Toàn Giác	Có Thập Lực
	Tự mình biết pháp, chứng ngộ, khéo giảng nói Chánh pháp cho Thanh văn giác ngộ. + Đối với pháp trước kia chưa nghe, có thể tự giác tri, ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh Giác, đối với đời vị lai thì có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các Thanh văn; tức là, Tứ niệm xứ, Tứ chánh đoạn, Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát thánh Đạo phần. + Đối với pháp chưa chứng đắc thì có thể sẽ chứng đắc; Phạm hạnh chưa chế thì có thể chế; có thể khéo biết đạo, khéo nói đạo, vì chúng sanh mà dẫn đường. Sau đó khiến Thanh văn thành tựu tùy thuận pháp, tùy thuận đạo, vui thích vâng lời giáo giới, giáo thọ của Đại Sư, nên khéo thâm nhập Chánh pháp.
Thập Lực Như Lai	1. Biết như thật về xứ, phi xứ (Đâu là đúng, đâu là sai. Điều nào xảy ra, điều nào không).
	2. Biết như thật về nguyên nhân, trường hợp, báo ứng của pháp thọ bởi nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại.
	3. Biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xứ tịnh, của các thiên, giải thoát, Tam-muội, Chánh thọ.

	4. Biết như thật những sai biệt căn tánh khác nhau của tất cả các loài chúng sanh.
	5. Biết như thật về tất cả mọi ý giải của chúng sanh.
	6. Biết như thật về tất cả các giới loại khác nhau của thế gian chúng sanh.
	7. Biết như thật về tất cả chí xứ đạo.
	8. Biết như thật về Túc mạng.
	9. Thiên nhãn minh không giới hạn.
	10. Dứt hết phiền não, hoàn toàn giải thoát, không còn tái sinh nữa.

So Sánh giữa A-la-hán Tuệ giải thoát và Phật Toàn Giác.

***Giống Nhau Về Phương Diện Giải Thoát:** sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không sanh khởi, giải thoát đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

***Khác Nhau:**

- **A-la-hán [Tuệ giải thoát]** chỉ có được Ngũ lực thôi, là: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ. Còn Phật thì tất nhiên có năm điều đó rồi, còn có pháp nữa. A-la-hán Tuệ giải thoát nghe pháp của Phật mà giác ngộ. Còn Phật thì không cần, Phật tự giác ngộ luôn.

- **Phật Toàn Giác** có Thập Lực. Đức Phật tự giác ngộ, chứng ngộ, khéo giảng nói Chánh pháp cho Thanh văn giác ngộ.

+ Đối với pháp trước kia chưa nghe, có thể tự giác tri, ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh Giác, đối với đời vị lai thì có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các Thanh văn; tức là, Tứ niệm xứ, Tứ chánh đoạn, Tứ như Ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát thánh Đạo phần (Ngài giảng 37 Phẩm trợ đạo).

+ Đối với pháp chưa chứng đắc thì có thể sẽ chứng đắc; Phạm hạnh chưa chế

thì có thể chế; có thể khéo biết đạo, khéo nói đạo, vì chúng sanh mà dẫn đường. Sau đó khiến Thanh văn thành tựu tùy thuận pháp, tùy thuận đạo, vui thích vâng lời giáo giới, giáo thọ của Đại Sư, nên khéo thâm nhập Chánh pháp.

Rồi kể lại 10 Thập Lực, đó là:

1. Biết như thật về xứ, phi xứ (Đâu là đúng, đâu là sai. Điều nào xảy ra, điều nào không).

2. Biết như thật về nguyên nhân, trường hợp, báo ứng của pháp thọ bởi nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại.

3. Biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xứ tịnh, của các thiền, giải thoát, Tam-muội, Chánh thọ. (Đây là biết như thật về các Thiền định, Tam-muội).

4. Biết như thật những sai biệt căn tánh khác nhau của tất cả các loài chúng sanh.

5. Biết như thật về tất cả mọi ý giải của chúng sanh.

6. Biết như thật về tất cả các giới loại khác nhau của thế gian chúng sanh.

7. Biết như thật về tất cả chí xứ đạo. (Tức là biết việc hành đạo (tu tập) đó sẽ đưa đi đến đâu, được kết quả gì).

8. Biết như thật về Túc mạng.

9. Thiên nhãn minh không giới hạn. (Thiên nhãn minh của A-la-hán thì có giới hạn, còn của Phật thì không giới hạn).

10. Dứt hết Phiền não, hoàn toàn giải thoát, không còn tái sinh nữa.

Nhớ! Đức Phật không có tái sinh nữa đâu. Bây giờ Trung Hoa tuyên truyền người này tái sinh v.v... Thật ra là họ bị lừa đó, họ lừa để nâng người nào đó lên. Cho nên họ nói vậy thôi chứ không có. Người tái sinh tức là người sanh tử phàm phu, phàm phu thì mới tái lai. Còn A-la-hán trở lên là không có [tái lai]. Cho nên là khác nhau.

Bây giờ chúng ta đến học đến phần tiếp theo, là phần Vi Diệu Pháp. Bữa giờ không kịp học rồi, bữa nay tranh thủ học. Chúng ta đang học bài này quan trọng.

1. Lộ trình tâm thời cận tử Ngũ môn (Pañcadvaramaranāsannacittavithi

Lộ trình tâm thời cận tử này thì chúng ta học về Lộ trình tâm thời cận tử Ngũ môn. Ngũ môn tức là năm cửa: Cửa về mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Chúng ta sẽ học về [phần] này.

a. Định nghĩa:

+ **Chết là sự diệt tận ba pháp là Mạng quyền (jivitindriya), hơi nóng (usuma) và Thức (viññāna).** (Chết là gì? Định nghĩa sự chết của một chúng sanh là Mạng quyền hết, hơi nóng hết và Thức hết).

+ **Định nghĩa Lộ trình tâm thời cận tử Ngũ môn:** là tiến trình sanh diệt của dòng tâm thức do nương qua 1 trong 5 môn, bắt 1 trong 5 cảnh, ngay trước khi tử (là ngay trước khi chết).

Định nghĩa đơn giản lắm! Tức là Lộ trình tâm của mình trước khi chết như thế nào? Bữa nay cũng có người hỏi. Thật ra đơn giản lắm! Ở đây nói ra là có nhiều cái, một Lộ trình tâm chết bằng Ý môn (tức là không có đụng tới cảnh), có khi không thấy gì hết, không nghe gì nữa, nhưng vẫn có thể có Lộ trình tâm. [Phần] đó thì bữa sau chúng ta học, còn bữa nay chưa học tới. Bữa nay chúng ta học trường hợp mà người chết trước khi chết có cảnh nào đó khởi lên. Ví dụ như thấy một cái gì đó rồi chết, hoặc là nghe một cái gì đó rồi chết, ngửi một mùi hương gì đó rồi chết, nếm được cái vị gì đó chết, hoặc là chạm cái gì đó rồi chết. Đó gọi là Lộ trình tâm thời cận tử Ngũ môn (năm căn hay năm giác quan). Thì chúng ta học ở bài hôm nay.

Tức là trước khi chết, khởi ra một Lộ trình tâm về một trong năm cảnh: Cảnh của mắt, cảnh của tai, cảnh của mũi, cảnh của lưỡi, cảnh của thân. Và sau khi khởi ra [cảnh] đó thì chết luôn. Như vậy là Lộ trình tâm thời cận tử Ngũ môn.

* **Đối với chúng sanh còn tái sinh trong Tam giới, thì chết là sự tạm thời chuyển từ một Ngũ uẩn này sang một Ngũ uẩn khác.** (Điều này là Thức diệt, Thức

sanh. Thức của bên này diệt thì Thức bên kia sanh).

*** Đối với chúng sanh không còn tái sinh trong Tam giới, thì chết là sự kết thúc đời sống luân hồi.** (Cho nên ai mà kết thúc đời sống luân hồi rồi thì thôi. Chúng ta ráng tu làm sao để kết thúc luân hồi luôn nha).

b.Nguyên nhân của sự tử:

Có bốn nguyên nhân:

1.Thọ diệt (ayukkhaya): tức là thọ mạng mình hết.

2.Nghiệp diệt (kammakkhaya): là nghiệp hết.

3.Cả thọ và nghiệp diệt (ubhayakkhaya)

4.Sát nghiệp diệt.

Về điều này thì chúng ta lấy ví dụ đơn giản thôi. Ví dụ mình sanh ở cõi Người, mình có tuổi thọ là 80 năm. Mình sống một hồi tới 80 năm mình mới chết, đúng 80 tuổi mới chết, thì đó là thọ diệt, thọ mình hết.

Có khi là nghiệp hết. Tức là mình tuổi thọ 80 năm, nhưng mình sống, mình tạo nghiệp nhiều quá, hết phước thế nào đó [nên] chết sớm, hoặc là làm cái gì đó [khiến chết sớm]. Đó gọi là nghiệp diệt.

Thứ ba là cả hai cái đó đồng thời, gọi là cả thọ và nghiệp diệt. Tức là mình sống làm sao đó, hên quá, thọ mạng mình là 80 tuổi, [và] mình sống đúng 80 tuổi mới chết, hai cái cùng lúc hết. Ví dụ giống như ngọn đèn dầu đó quý vị, đèn dầu thì có tim đèn và dầu. Thì thọ mạng giống như tim đèn, đèn hết tim thì tắt. Còn nghiệp thì giống như dầu của đèn, khi dầu hết thì đèn cũng tắt. Có khi cái này hết, cái kia cũng hết, phải không ạ? Có khi cái này hết trước hay cái kia hết trước. Hoặc là tim hết trước hay là dầu hết trước, thọ diệt hay là nghiệp diệt. Nhưng cũng có khi hai cái hết cùng lúc, gọi là cả thọ và nghiệp diệt.

Và trường hợp tiếp theo (trường hợp thứ tư) là sát nghiệp diệt. Tức là một nghiệp nào đó khởi lên, ví dụ như mình bị người ta đánh chết, nghiệp đó chả có liên quan gì trong đó hết. Tuổi thọ mình còn, phước báo còn, nhưng mình bị người ta ám

sát, người ta đánh chết. Như vậy đó giống như ngọn đèn tự nhiên bị người ta hay gió thổi tắt, bị người ta bóp tim cho tắt, mặc dù dầu còn, tim còn. Như vậy đó gọi là sát nghiệp diệt. Cũng vậy, trong đời mình có thể do ăn uống không tốt, rồi bệnh không chữa trị được nên chết. Do không biết cách chữa, chữa không đúng cách nên chết thôi. Hoặc là đi ra đường không cẩn thận bị tai nạn chết, hoặc là có người tự sát chết. Đó gọi là sát nghiệp diệt. Quý vị hiểu rồi đúng không ạ?

Bây giờ chúng ta nói qua sơ lược về ba loại cảnh thời cận tử:

c.Ba loại cảnh thời cận tử: gồm có:

+ **Cảnh nghiệp.** Cảnh nghiệp là gì? Mô tả: là chính hành động nghiệp đã tạo. Ví dụ như mình nhớ lại sự bố thí. Người nào hay đi chùa, hay bố thí thì nhớ lại cảnh đó. Còn người nào giết dê, giết gà nhiều thì thấy lại cảnh sát sinh. Mình tạo nghiệp gì, ai mà ăn rồi đi học, thi cử thì có thể thấy nghiệp đi thi thi cử. Cảnh đó cũng là một cảnh nghiệp. Tức là làm gì [thì] ấn tượng nghiệp, [lúc đó] có thể hiện ra. Cho nên lúc chết, có thể điều đó hiện ra, gọi là cảnh nghiệp.

+ **Cảnh nghiệp tướng.** Vậy Cảnh nghiệp tướng là gì? Là hình ảnh biểu tượng liên quan đến nghiệp. Ví dụ như người đi chùa thường tu tập thì thấy cảnh chùa chiền, thấy tượng Phật, kinh sách. Đó là biểu tượng thôi, mình thấy lại giống giống vậy thôi chứ không phải cảnh hồi xưa, nhưng thấy như vậy. Còn người sát sanh thì lúc đó thấy dao búa, cây kéo gì đó, mấy món đồ sát sanh đó. Còn người đi dạy học thì thấy bút, phấn... kiểu như vậy. Làm nghề gì thì có thể thấy những công cụ, phương tiện để làm, thấy lại. Đó là Cảnh nghiệp tướng, để gợi lên. Khi chết có thể sanh ra những cái đó.

+ **Cảnh sinh Thú tướng.** Cảnh sinh Thú tướng là gì? Là báo trước cảnh giới tái sinh. Ví dụ như mình thấy ánh sáng, thấy vực sâu v.v... đó là báo trước cho mình đi về đâu. Ví dụ có người như thấy ánh sáng rất là dễ chịu v.v... thì có thể mình sanh vào một cõi tốt lành. Có người thấy vực sâu thăm thẳm ghê gớm, rồi cảm thấy sợ hãi, thì báo là mình sắp đọa, đúng không? Rồi có người thì thấy lửa Địa ngục cháy, đó là báo (Cảnh sinh Thú tướng) sắp đọa vào Địa ngục.

Mình học những điều này thì mình cũng nhớ. Đến khi lâm chung, nếu cảnh bất thiện hiện ra thì mình lo đổi tâm đi, hoặc là người hộ niệm nhắc nhở để cho đổi tâm. Giống như câu chuyện hôm bữa Thiện Trang trích trong quyển Giáo lý A Tỳ Đàm của Sư Giác Nguyên. Quý vị thấy có vị A-la-hán ở tại Srilanka hướng dẫn cha mình tu tập đó. Người cha già rồi, ở ngoài đời nhiều, già rồi mới vô chùa tu, cho nên lúc đó thấy cảnh là giới hải hùng hiện ra, sợ dọa Địa ngục. Đó là Cảnh sinh Thú tướng hiện rồi. Ông kể như vậy thì người con là A-la-hán nên biết, nên khiêng cha mình vào trong ngôi nhà đó, có phòng đó trang trí hoa rồi đèn lung linh đẹp lên, thì cảnh đó không còn nữa. Tại ông thấy cảnh khác, ông thấy cảnh đẹp cho nên cuối cùng ông sanh lên cõi Trời. Đó cũng là một cách hộ niệm.

Cho nên hộ niệm là giúp để gợi lên cho người ta thấy những cảnh tốt đẹp, để nhớ lại [cảnh] bổ thí, tu tập. Chứ mình để [cảnh] gì hải hùng quá, vô trợ niệm cho người ta mà mình để ở trong phòng bếp, dao kéo rồi tùm lum, thì dễ làm người ta suy nghĩ lung lung. Mà mình hãy giúp họ suy nghĩ [về cảnh tốt]. Cho nên những hình ảnh nào mà gợi nhớ đến những diễm lành thì tốt, đó là điều tốt đẹp.

Chúng ta vào phần chính ở đây là các trường hợp Lộ trình tâm thời cận tử Ngũ môn:

d.Các trường hợp lộ trình tâm thời cận tử lộ Ngũ môn:

Gồm 14 trường hợp chia theo 4 cảnh: Rất lớn, Lớn, Nhỏ, Rất nhỏ.

TT	Số sát-na tâm Đồng lực (Javana)	Na cảnh	Hộ kiếp trước Đồng lực	Hộ kiếp trước tử
I. Cảnh Rất Lớn: luôn đủ 5 Javana				
1	5	Có (2)	Có	có
2	5	Có (2)	Không	có
3	5	Không	Có	Không

4	5	Không	không	không
II.Cảnh Lớn: luôn đủ 5 Javana				
5	5	Không	Có	có
6	5	Không	Không	Có
7	5	Không	Có	Không
8	5	Không	không	không
III.Cảnh Nhỏ: 3 Javana				
9	3	Không	Có	Có
10	3	Không	Không	Có
11	3	Không	Có	Không
12	3	Không	Không	không
IV.Cảnh Rất Nhỏ: 1 Javana				
13	1	Không	Có	Không
14	1	Không	không	Không

Cột thứ nhất là Thứ tự của trường hợp; cột thứ hai là Số sát-na Tâm đồng lực (Javana); cột thứ ba là Na cảnh; cột thứ tư là Hộ kiếp trước Đồng lực; và cột thứ năm là Hộ kiếp trước tử (trước khi chết) tức là trước khi tâm tử đó. Ở đây chia ra 5 cột để phân biệt.

1. Thế nào là Cảnh rất lớn? Cảnh rất lớn là luôn đủ 5 Tâm đồng lực (tức là Tâm đồng lực có 5). Đó là trường hợp thứ nhất có 5 Tâm [đồng lực]. Nên 4 trường hợp Cảnh rất lớn là (1, 2, 3, 4) sẽ luôn có đủ 5 Tâm đồng lực. Và Na cảnh có thể không có trong hai trường hợp, và có thì có 2 Na cảnh. Còn Hộ kiếp trước Đồng lực có thể có hoặc không, tùy trường hợp. Hộ kiếp trước khi chết thì sẽ có hoặc không. Đó là Cảnh rất lớn.

2. Cảnh lớn cũng tương tự như vậy, cũng có 5 Tâm đồng lực. Trường hợp (5, 6, 7, 8): Na cảnh thì không có, vì cảnh này không đủ. Cảnh rất lớn mới có Na cảnh. Na

cảnh tức là dư âm vang lại, ví dụ như mình thấy cảnh hãi hùng quá, cảnh kinh sợ quá thì mới giữ lại Na cảnh. Hoặc là cảnh cực kỳ tốt đẹp, ấn tượng quá thì mới có Na cảnh. Khi Cảnh lớn, tâm của người sắp chết yếu rồi thì không có Na cảnh được. Hơi yếu chút rồi [thì] nghe không rõ, thấy không rõ, ngửi mùi không rõ, nếm không rõ và xúc chạm không rõ rồi, thì không thể có Na cảnh. Cho nên Cảnh rất lớn mới có Na cảnh thôi, còn những cảnh đằng sau không có Na cảnh đâu. Hộ kiếp trước Đồng lực (Tâm đồng lực Javana) thì có hoặc không. Hộ kiếp trước tử cũng có hoặc không.

3. Cảnh nhỏ thì chỉ có ba Tâm đồng lực thôi. Trường hợp (9, 10, 11, 12) thì có 3 [Tâm đồng lực] thôi, Na cảnh cũng không [có]. Tâm hộ kiếp trước (tức là Tâm hộ kiếp vừa qua) trước Tâm đồng lực cũng có thể có hoặc không. Rồi còn đằng sau, tức là trước khi Tâm chết, có Tâm hộ kiếp hay không? Thì cũng có thể có hoặc không.

4. Cảnh rất nhỏ thì chỉ có một Tâm đồng lực thôi. Trường hợp (13, 14) không có Na cảnh. Có trường hợp Tâm hộ kiếp vừa qua (tức là trước khi Tâm đồng lực chạy lên) thì có hoặc không. Rồi Tâm hộ kiếp trước khi chết là hoàn toàn không có.

Đó là mô tả sơ sơ, quý vị chắc không hiểu lắm, nhưng chúng ta nói rồi chúng ta mới vào mô hình được.

*Phân loại Tâm lộ (không áp dụng cho thời Cận tử)				
Tâm lộ		Số sát-na Tâm hộ kiếp vừa qua		
Tâm lộ có cảnh rất lớn		1		
Tâm lộ có cảnh lớn		2- > 3		
Tâm lộ có cảnh nhỏ		4- > 9		
Tâm lộ có cảnh rất nhỏ		10- > 16		
*Phân loại cảnh (không áp dụng cho thời Cận tử):				
Căn	Điều kiện 1	Điều kiện 2	Điều kiện 3	Điều kiện

Nhãn môn	Thần kinh nhãn tốt	Có cảnh sắc trước mắt	Đủ ánh sáng	Có sự chú ý
Nhĩ môn	Thần kinh nhĩ tốt	Có cảnh thính rõ ràng	Không bị cách âm, trong khoảng cách thích hợp	Có sự chú ý
Tỷ môn	Thần kinh tỷ tốt	Có cảnh mùi	Có gió	Có sự chú ý
Thiệt môn	Thần kinh thiệt tốt	Có cảnh vị	Có nước bọt	Có sự chú ý
Thân môn	Thần kinh thân tốt	Có cảnh xúc	Địa đại có tướng rõ rệt	Có sự chú ý
*Cảnh ngũ nào đủ 4 yếu tố trên gọi là Cảnh rất lớn, yếu 1 yếu tố gọi là Cảnh lớn, yếu nhiều (2,3) yếu tố gọi là Cảnh nhỏ, yếu cả 4 yếu tố thì gọi là Cảnh rất nhỏ.				

Hôm bữa mình phân theo Tâm lộ, là Cảnh lớn có bao nhiêu sát-na Tâm hộ kiếp vừa qua đó, thì không áp dụng cho thời Cận tử, chỉ áp dụng cho lúc bình thường. Rồi Phân loại cảnh theo kiểu điều kiện (1, 2, 3, 4) cũng không áp dụng cho thời cận tử. Thiện Trang nhắc lại cho quý vị biết.

Bây giờ chúng ta vào Lộ trình tâm.

***Chia lộ trình tâm thời cận tử theo: (4 cảnh)**

+ Có hay không Hộ kiếp trước, sau Tâm đồng lực

Tức là mình có thể xét Tâm đồng lực trước hoặc sau. Ví dụ ở trên sơ đồ Tâm đồng lực (1, 2, 3, 4, 5) là màu đỏ, thông thường [Tâm đồng lực] là 5. Quý vị nhớ mấy bài khác, Lộ trình tâm thời Bình nhật (thời thường ngày) quý vị thấy có bao nhiêu Tâm đồng lực? Có tới 7 Tâm đồng lực (Javana). Còn bây giờ mình học là có 5, thậm chí còn 2, còn 1 nữa. Khi chết nó yếu rồi, không mạnh nữa thì chỉ còn 3, 5 hoặc 1 [Tâm đồng lực] thôi. Quý vị thấy rõ ràng như vậy.

+ **Có hay không Hộ kiếp trước** (Tâm hộ kiếp), **sau Tâm đồng lực**.

Ví dụ quý vị thấy như [trong sơ đồ Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn] là có, Tâm đồng lực -> Hộ kiếp vừa qua -> Hộ kiếp rung động -> Hộ kiếp dứt dòng. Có 3 [Tâm hộ kiếp] này trước Tâm đồng lực. Khi Đồng lực xong rồi còn có chen thêm Hộ kiếp rồi mới chết (tử là màu đen) -> rồi sau đó Tâm tái tục mới sinh, là qua đời khác rồi (gạch một dấu gạch [trong sơ đồ] là để thấy đã sanh qua đời khác). Chút nữa chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn, bây giờ giới thiệu đã.

+ **Tâm đồng lực có bao nhiêu lần (5 – 3 - 1)**

Cụ thể như sau:

I. Cảnh rất lớn (Có 5 Tâm đồng lực, có thể có Na cảnh: 0 - 2). (Tức là có thể không có Na cảnh nào, hoặc có 2 Na cảnh).

Trường hợp 1: 5 javana (Tâm đồng lực)

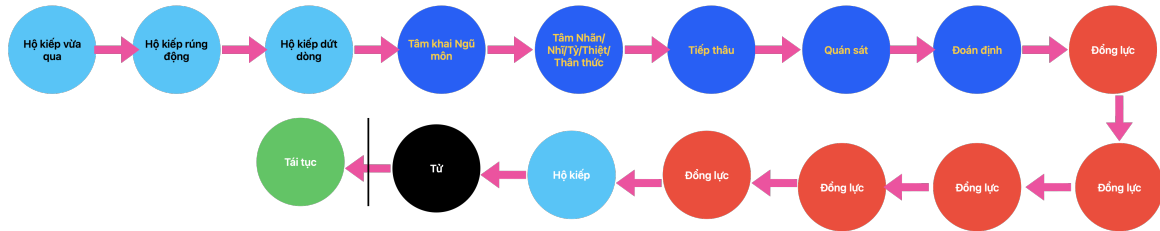
- **Khi xảy ra:** Ngũ môn Cảnh rất lớn (tức là mình thấy gì đó rất rõ ràng. Thấy rõ, nghe rõ, xúc rõ).
- **Ý nghĩa:** người còn tỉnh táo, cảnh hiện ra mạnh mẽ. (Khi chết mà còn tỉnh táo lắm, cảnh hiện ra mạnh mẽ).

Ví dụ: trước khi mất thấy rõ hình ảnh người thân. Mình thấy gì đó rất rõ thì khi đó cảnh mới rất lớn. Còn nếu không, yếu yếu rồi, người ta thấy mơ mơ màng màng thì xuống Cảnh nhỏ hoặc là Cảnh rất nhỏ, hoặc có thể là Cảnh lớn thôi chứ không [có] Cảnh rất lớn. Ví dụ ở đây [là] khi chết mình thấy cảnh người thân mà mình rất ấn tượng, đứa con rất thân yêu gì đó, chẳng hạn. Thì có thể Cảnh rất lớn. Đó là khi mà mình còn khỏe mạnh, tỉnh táo nha, chứ còn thường thì không rơi vào được cảnh này.

Như hồi nãy ở trên bảng mình chia ra có 4 trường hợp, có 5 sát-na Tâm đồng lực, có Na cảnh hay không có Na cảnh, rồi có Hộ kiếp trước, Hộ kiếp sau luôn. Bây giờ chúng ta vào trường hợp thứ nhất. Quý vị quan sát Lộ trình tâm này nha.

1. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử cảnh rất lớn có Tâm hộ kiếp trước và Tâm hộ kiếp sau

1.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn (Có Hộ kiếp trước, sau)



Ví dụ như có Hộ kiếp trước là Hộ kiếp vừa qua, tức là mình đang làm, đang nghĩ gì đó v.v... nói chung là vừa qua dòng đó, có Tâm hộ kiếp. Chứ không phải là đang suy nghĩ gì, không phải dòng Tâm đồng lực như vậy, mà đang trả về Tâm hộ kiếp vừa qua. Tâm hộ kiếp vừa qua -> rồi Hộ kiếp rung động -> rồi Dứt dòng -> rồi tới Tâm khai Ngũ môn (như ví dụ trên này, thấy rõ hình ảnh người thân thì là Tâm khai Nhãn môn) -> sau đó Tâm về Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Thức hoạt động (tức là nếu thấy hình ảnh về người thân thì chỗ này là Tâm nhãn (Tâm mắt) -> sau đó Tiếp thu (tức là tiếp nhận hình ảnh người thân) -> rồi Quan sát -> Đoán định (tức là phân định ra cảnh này là cảnh người thân yêu của tôi đó). Sau đó bắt đầu đưa ra kết luận, cảnh ưa thích quá -> Đồng lực -> Đồng lực -> Đồng lực -> Đồng lực -> Đồng lực (5 Tâm đồng lực), mới đầu nhẹ rồi tăng lên mạnh, rồi giảm xuống. Trước khi chết có Hộ kiếp sau, nên trả lại Hộ kiếp. Tức là hết Đồng lực thì về lại Hộ kiếp, xong rồi mới chết. Chết một cái là chuyển sang đời khác -> Tâm tái tục luôn là đi qua đời khác. Lộ trình tâm là như vậy.

Ví dụ như người đó thấy cảnh người thân xong rồi lưu luyến, yêu thương rồi nhớ nhung, vừa nghĩ xong thì trả về Hộ kiếp xong là chết luôn. Vừa chết một cái là đọa luôn, chẳng hạn đọa làm con gà hay con gì đó, thì người ta tái tục ở đây. Hoặc đầu thai làm người ở đâu đó, đủ duyên [thì] đầu thai vô gần hàng xóm gì đó. Tất nhiên đầu thai loại nào hay đầu thai về đâu đó là tùy, đó gọi là Tâm tái tục. Chỗ này là đời khác rồi, nên mình gạch ở [trên sơ đồ] để biết là [đã] qua đời khác, không phải đời này.

Quý vị hiểu không ạ? Chúng ta lấy ví dụ khác đi, là người trước khi mất nghe

rõ tiếng nói của đứa con, mà đứa con đó mình rất ghét, thì chỗ này sẽ như thế nào? Đầu tiên người đó Tâm hộ kiếp đang chạy, đang chạy, không có chuyện gì mà. Như vậy thì rung động liền. Hộ kiếp vừa qua -> Hộ kiếp rung động -> rồi bắt đầu Dứt dòng -> lúc đó Tâm khai Nhĩ môn (là mở cửa tai ra. Tai của người ta còn nghe rõ, tỉnh táo lắm. Tai nghe là Tâm nhĩ hoạt động) -> Tiếp thâu (là tiếp nhận âm thanh đó) -> Quan sát (là giải mã âm thanh đó, biết đứa con nói ‘mẹ ơi mẹ đừng chết, mẹ còn phải ký cho con giấy nhà này nữa, để cho con thôi’. Nghe như vậy là tức mình lên, gọi là Đoán định: đây là cảnh xấu) -> rồi bắt đầu Đồng lực sân -> Đồng lực sân-> Đồng lực sân-> Đồng lực sân-> Đồng lực sân (5 lần). Vừa hết sân thì -> trở về Hộ kiếp -> đúng lúc chết luôn (tử) -> và sẵn sàng Tái tục lại qua đời mới, thì có thể đọa. Tại vì Đồng lực sân thì Tâm quả của sân là Tâm bất thiện, thì chỉ có đọa vào đường ác thôi. Nhớ! Tâm bất thiện cho quả đọa đường ác. Chỗ này Tâm hộ kiếp chuyển thành Tâm tử, lúc này do ảnh hưởng nên sẽ chuyển thành Tâm tử, là tiêu đó, có thể nguy hiểm. Còn nếu hên thì trả về nhẹ nhẹ chút.

Ở đây tu tập là gì? Là mình phải luyện chỗ Đoán định (Phán định) này, để mình Như lý Tác ý hay khéo tác ý. Tức là tất cả những cảnh gì không biết, dù cảnh xấu cảnh tốt gì đến đây thì mình hãy tác ý thành tâm thiện. Ví dụ như nghe đứa con nói vậy, nhưng lúc đó mình học Phật pháp lâu năm rồi, mình kêu: Thôi kệ nó chứ, đâu ảnh hưởng gì đâu. Thì Đồng lực ở đây không phải là Đồng lực sân, mà chỉ là Đồng lực bình thường, tâm đó là Tâm thiện hợp trí. Tâm thiện thọ xả, không vui nhưng thọ xả hợp trí, có thể hữu trợ hay vô trợ gì đây không biết, nhưng cứ vậy là ok rồi. Vào dòng này [Tâm tử] là quý vị đầu thai bằng tâm Tam nhân, cho nên tu hành là tu chỗ này.

Bây giờ Cảnh lớn, Cảnh nhỏ mình không làm được, nhưng mình làm được chỗ đó. Cho nên hàng ngày phải tập trước, cảnh gì cũng vậy, suy nghĩ nhẹ nhàng xuống, muốn nhẹ nhàng phải thường xuyên có Thiền, Thiền gì? Thiền chỉ và Thiền quán. Thiền chỉ thì tâm mình an lạc sẵn rồi cho nên nhẹ nhàng. Còn Thiền quán là do mình quán sát biết rất rõ, cho nên có cái gì gợn lên là xác định ngay. Lúc đó gợn lên là ok,

không sao, không có vấn đề gì. Còn nếu mình chết kiểu này là chưa chạy Lộ trình ý mà, bữa sau mình học Lộ trình tâm cận tử Ý môn.

Ở đây là mình phải phán đoán ngay cảnh đó, phải chuyển thành cảnh thiện, cảnh lành. Chứ không, quý vị giận lên, ví dụ nhiều cô ghét ông chồng quá, lúc đó ông chồng nói một câu gì đó, mình ghét, mình sân lên một cái rồi mình chết luôn. Chết thì đọa thôi, mình đọa chứ không ai đọa. Tại vì Tâm sân là Tâm bất thiện, bất thiện thì chỉ có đi vào ba đường ác Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thôi. Vì bất thiện mà, cho nên tái sanh vô đó. Tham, sân, si đều là Tâm bất thiện thì cho quả, mà lúc đó cảnh cận tử rồi, có thời gian nữa đâu, mà mình biết là cận tử, mình khởi tham, sân, si là chết liền.

Cho nên người [chứng] Tu-đà-hoàn cũng khác nhau chỗ này. Người chứng Thánh, tất nhiên chưa phải A-la-hán thì vẫn còn [tái sinh]. Vậy chỗ Đoán định này cho quả tốt, tự nhiên sức của Thiền định Sơ quả (Sơ quả thật ra họ có Thiền định), mặc dù Thiền không thấy rõ ràng nhưng cũng cho quả thiện, và chắc chắn tâm thiện của họ là phải hợp trí. Tại vì sao? Hợp trí mới có chứng quả tiếp chứ, mới đi tiến lên nữa chứ, họ đã chứng quả rồi mà. Cho nên đây là chỗ khác biệt. Còn người không biết thì chỗ này.

Như vậy [đó] là một trường hợp, quý vị thấy rõ chưa? Điều này cũng nói luôn là khi chết là tái tục liền, cho nên không có gián đoạn. Có nhiều người thắc mắc: “Thưa thầy, vậy chết rồi kiếm đâu mà tái tục liền. Đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thì dễ rồi. Hoặc Hóa sanh, sanh lên chư Thiên tái tục liền thì rõ ràng. Nhưng vào cõi Người thì phải có duyên với cha mẹ chứ, lấy đâu duyên cha mẹ để tái tục liền?”

Chính vì vậy, hồi xưa người Trung Quốc, người ta nghĩ vậy đó quý vị. Người ta nghĩ không có cha mẹ đâu, phải kiếm người, cho nên phải [có] 49 ngày để kiếm cha mẹ. Nhưng họ quên mất ở trong kinh, Phật dạy [là đi tái tục liền], quý vị suy nghĩ chút xíu thôi là quý vị suy nghĩ ra. Ở trên trái đất này có bao nhiêu tỷ người? Hơn 8 tỷ người đúng không? [Cho] 8 tỷ người đi. Bây giờ vô Google, quý vị đánh vào: ‘Trong một giây ở trái đất này có bao nhiêu người được sanh ra?’ Thiện Trang đánh vô Google

hỏi, thì ra là trung bình trong 1 giây có 4,1 người được sinh ra trên trái đất này. Tức là lúc nào trong 1 giây cũng có ít nhất hơn 4 người được thọ thai. Cho nên lúc nào quý vị chết cũng có điều kiện để thọ thai hết.

Quý vị có tin điều đó không? Mới một cõi này là cõi Nam Thiệm Bộ châu thôi, cõi mà theo trong kinh tả lại là cõi nhỏ nhất, ít người nhất. [Còn] mấy cõi khác nữa, nhiều lắm, [như] Bắc Cô Lô châu, Đông Thắng Thần châu, Tây Ngưu Hóa châu. Đó mới là có một Tiểu thiên Thế giới có tới 1.000 [trái đất], như vậy Tam thiên Đại thiên Thế giới có đến 1 tỷ trái đất. Vậy thì quá trời nơi đứng không? Quý vị hãy nhân lên 1 tỷ lần nữa. Như vậy nếu tính sơ sơ trong một giây có 4,1 tỷ người được đầu thai, được tái tục, được sanh ra. Vậy thì có thiếu điều kiện không? Không bao giờ thiếu, cho nên là liên tục, liên tục thôi.

Người xưa Trung Quốc, người ta tưởng có mỗi [trái đất] đó, nên họ mới đẻ ra 49 ngày. Cho nên Kinh Địa Tạng viết tối đa là 49 ngày. Thật ra họ không giải thích được cho nên họ viết bằng trí của họ. Còn Đức Phật biết rồi. Cho nên Tâm tái tục là lúc nào cũng có nha. Còn loài Hoá sanh thì dễ quá rồi, lúc nào cũng có, lúc nào cũng đi [tái sinh] được.

Đó là mình giải quyết được nghi về tái sanh liền, chuyển qua đời khác liền là đây. Cho nên quan trọng tu làm sao phải không có tham, sân, si. Nhớ! Khi quý vị [gặp] cảnh gì chạy vào, quý vị phải nhận định được ngay. Cho nên bậc Tu-đà-hoàn là nhìn được liền. Chứ còn mình chưa nhìn được, cho nên là chạy qua [tâm bất thiện] là tiêu. Ráng chịu nha, rất nguy hiểm! Chết, biết chết lúc nào, đâu biết lúc nào chết đâu.

Bây giờ chúng ta sang Lộ trình [tâm] thứ hai.

2. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn (Không có Hộ kiếp trước, có Hộ kiếp sau)

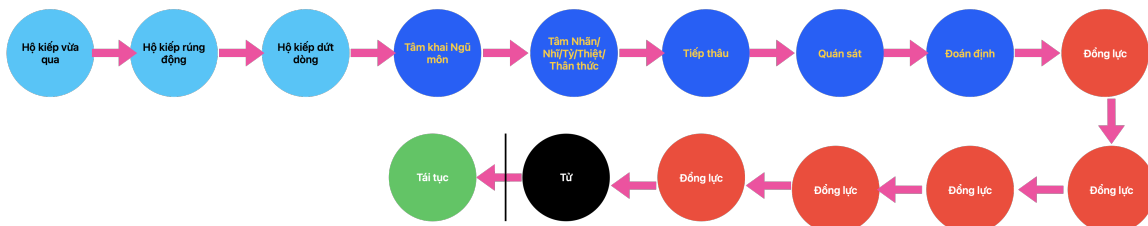
2.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn (Không có Hộ kiếp trước, có Hộ kiếp sau)



Tức là đang cảnh nào đó, trước đó là cảnh gì đó, vào xong rồi là không trở về Hộ kiếp, mà vào luôn cảnh tiếp. Tức là đang nghĩ điều gì hoặc đang làm gì đó, đang nghe gì đó, xong rồi chuyển nghe tiếp, hoặc là chuyển cái gì đó. Thì Lộ trình tâm tương tự thôi, vào cái là không có Hộ kiếp vừa qua, mà là Tâm khai Ngũ môn luôn -> rồi tâm Ngũ môn hoạt động (tức là Tâm về Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thức, Thân) -> rồi Tiếp nhận cảnh (tức là Tiếp thu) -> Quan sát -> Đoán định -> rồi chạy năm Tâm Đồng lực -> Hộ kiếp -> rồi chết (Tử) -> trở lại Tái tục. Như vậy đó là đi một vòng này, được chưa? Hên thì trả về Hộ kiếp, có khi chết luôn, không có Hộ kiếp.

3. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn (Có Hộ kiếp trước, Không có Hộ kiếp sau). (Không có Hộ kiếp sau tức là sau Tâm Đồng lực không có Hộ kiếp)

3.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn (có Hộ kiếp trước, Không có Hộ kiếp sau)



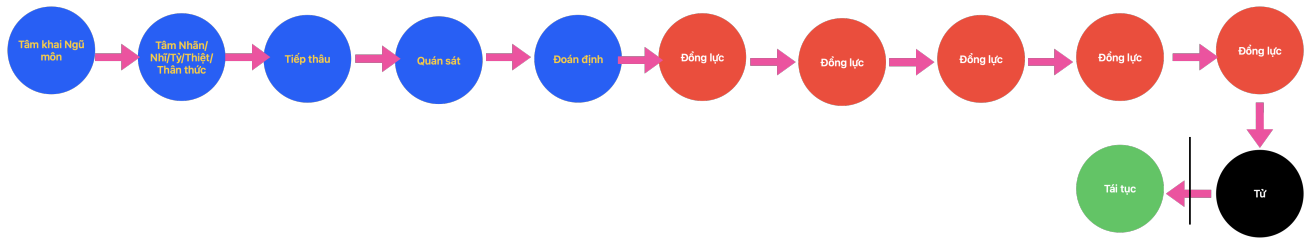
Hai trường hợp sau này là không có Hộ kiếp trước tử đâu, chết luôn. Hộ kiếp vừa qua -> Rung động -> Dứt dòng -> rồi Tâm khai Ngũ môn -> rồi tâm Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân (nói chung 5 tâm đó làm việc) -> Tiếp thu cảnh -> Quan sát -> Đoán định -> rồi chạy vừa hết Đồng lực -> chết luôn, không trả về Hộ kiếp. Trả về Hộ kiếp thì còn có cơ hội, còn có thể sửa sai kịp, thì đỡ hơn đúng không? Còn cái này là khỏi, chạy luôn, chết luôn vào rồi tái tục, tức là tiếp tục đầu thai nữa. Hoặc là chuyển sang đời mới rồi, chứ không phải đầu thai nữa. Đầu thai là mình nói ở trong

cảnh người, [có] thai sanh, còn mấy cảnh kia đâu có đầu thai. Thì như vậy đó quý vị.

Tiếp tục [trường hợp 4] cũng vậy:

4. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn (Không có Hộ kiếp trước và sau). (Trường hợp này là không có Hộ kiếp trước và không có Hộ kiếp sau luôn).

4.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn (không có Hộ kiếp trước và sau)



Trường hợp này cũng giống vậy thôi, vô là bắt đầu đang ở cảnh nào đó, bắt tiếp cảnh này nữa là Tâm khai Ngũ môn (ví dụ như lúc này mình đang nghĩ chuyện gì đó, tự nhiên đưa con nói lên) -> rồi mình nghe là bắt đầu tâm Nhĩ (tức là Tâm tai, là tai làm việc) -> rồi Tiếp nhận lời nói -> Quan sát (phân tích lời nói đó) -> Đoán định (đưa ra kết luận lời nói đó rất khó nghe, bảo là hãy ký di chúc cho nó. Nhưng mình có tu tập, thì mình đưa ra quyết định là không có gì, nó nói thì kệ nó, không sao hết. Thì tâm đó là thiện) -> Tâm Đồng lực thiện chạy 5 cái. Còn nếu nói mà mình bực lên, xong rồi là đi luôn. Bị vô đây thì chết, đọa ráng chịu.

Cho nên nhiều người không sợ sanh tử thì mới hay giận, hay tức, nói không nghe. Còn ai mà sợ sanh tử [thì] sợ lắm, mỗi lần sân, mỗi lần tham, mỗi lần si là ta đang gieo nhân để đọa lạc đó. Thực ra quý vị nhớ như vậy là quý vị tu Tứ niệm xứ được. Quý vị học kỹ về tham là thế nào, sân là thế nào, si là thế nào rồi, đúng không? Mình học rất là rõ ràng Tâm tham là thế nào? Đó là có dính mắc chuyện gì đó, ví dụ nhớ nhớ thêm cái đó, thích cái đó quá, đó là tham. Rồi sân là gì? Là hơi khó chịu, bực tức, buồn rầu gì đó v.v... Nói chung hơi khó chịu một chút là sân. Mình nhận ra ngay thì mình lo mà đổi đi chứ. Còn mình cứ cố tình sân kiểu đó là thôi rồi, mình đọa lúc nào chết. Bây giờ sống còn không làm chủ được, chết [không] biết lúc nào, làm [sao mà làm] chủ đây?

Cho nên là hãy cố gắng tu tập từ ngay chỗ này nha. Tu tập là tu tập chỗ Đoán định này, hay xác định cảnh để đưa ra Đồng lực, đó gọi là tu khéo tác ý hay Như lý Tác ý là chỗ này. Ai mà khéo tác ý, Như lý Tác ý là được ngay đây [Đoán định]. Mình học nhiều để mình thực hành. Đó thuộc về Thiền Tứ niệm xứ, và pháp mình học có sâu hay không đó. Trường hợp này là như vậy nha.

****Lưu ý: Với Cảnh rất lớn thì có thể có 2 Na cảnh xuất hiện sau Tâm đồng lực nên nếu vẽ đầy đủ thì có thêm 4 sơ đồ nữa, thành tất cả 8 sơ đồ.** (Tức là ở 4 sơ đồ này, mình phải chèn thêm tâm, có thể trường hợp Na cảnh, hoặc Na cảnh có thể có sau Tâm đồng lực. Tức là sau Đồng lực chèn thêm 2 Na cảnh. Vì có chèn thêm, thì 4 trường hợp thành 4 [Lộ trình tâm], thành ra tất cả 8 sơ đồ). **Ở đây chỉ vẽ thêm cho trường hợp 4 thành 4B** (tức là trường hợp thứ 4 thôi) **như sau:**

4B. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn (Không có Hộ kiếp trước và sau, có 2 Na cảnh).

4B.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất lớn (không có Hộ kiếp trước và sau), có 2 Na cảnh



Thiện Trang xin vẽ thêm [sơ đồ], một sơ đồ có thêm 2 Na cảnh. Na cảnh xong rồi chết. Vì cảnh mạnh quá nên có thêm Na cảnh.

Ví dụ đơn giản như Thiện Trang thấy Việt Nam có video đó, có một người đang đi trên đường bị dây điện rớt sao đó, văng qua giữa đường, người đó đụng vô dây điện bị giật, chết. Như vậy cảnh đó là Cảnh rất lớn đúng không? Mà cảnh đó là cảnh gì? Cảnh Ngũ môn nhưng mà cảnh gì quý vị? Chết kiểu đó là Ngũ môn cận tử. Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, quý vị thấy cảnh đó là cảnh gì? Nhãn hay Nhĩ, hay Tỷ, thay Thiệt, hay Thân? Đó là cảnh về Thân, bởi vì sao? Bởi vì lúc đó chạm vào sợi dây điện, bị điện giật mà, nóng người, rát người cho nên cảnh đau đớn về Thân. Cho nên lúc đó

người ta có thể chết bằng tâm gì? Tâm đau đớn, sân lên. [Ở] đây xác định sân, thì chỗ này Tâm khai Ngũ Môn liên tục (họ đang nghĩ gì đó đằng trước không biết, nhưng có thể là bị như vậy, tức là họ khai Ngũ môn) -> Thân thức tiếp nhận cái nóng của điện giật -> Tiếp tục quan sát cái đó -> [Đoán định] (đưa ra là sân ‘Tôi khó chịu quá, khó chịu quá’) -> Sân -> Sân -> Sân -> Sân -> Sân (5 [Đồng lực] sân). Cảnh điện giật mạnh quá, [hoặc] lúc té xe mạnh quá mà, nhớ quá rõ, cho nên ấn tượng, ghim thêm hai cái nữa rồi sau đó chết. Như vậy khả năng dọa rất sâu, bởi vì sân -> xuất hiện Na cảnh chỗ này rồi đi luôn, dọa luôn, cho nên là bị dọa.

Nhưng nếu một người có tu tập thì sẽ khác chỗ này. Lúc đó đau, đau, đau, đau như vậy, lúc đó chợt khởi lên xác định là: Mình bị điện giật rồi, chắc chết rồi đó, thì tâm đó không phải tâm sân. Mà tâm nghĩ là ‘chắc chết rồi đó’ là tâm buông xả đúng không? Xả được thì chỗ này Đoán định đưa ra không phải là Đồng lực sân mà là Tâm đại thiện hợp trí. Vì học Phật pháp, mình có trí biết là Vô thường tới rồi đó. Còn có nhiều khi không có hợp trí thì thôi, những người thường, nhiều khi họ không cần hợp trí. Nhưng mình nói là hợp trí đi: ‘À, vô thường, chết rồi đó’. Cho nên là thôi chấp nhận chết, thì tâm đó là thọ xả. Mặc dù cảnh bất thiện nhưng Tâm đại thiện thọ xả hợp trí, có thể vô trợ hay hữu trợ gì không biết, nhưng chạy Đồng lực này là Đồng lực bình thường. Rồi dù có Na cảnh đi chẳng nữa cũng không sao hết, về lại chết (Tử) -> đi vô Tâm đầu thai tốt, đời sống mới tốt đẹp.

Cho nên tu là tu chỗ này. Cảnh lớn, Cảnh nhỏ mình có thể làm chủ một phần, nhưng chỗ tu quan trọng là Tâm đoán định (xác định đó), mình phải khéo Như lý Tác ý ở chỗ này. Còn người không biết, như nhiều người thế gian, họ cũng buông được mà đúng không quý vị? Có nhiều người chết [trong] cảnh kinh hoàng, nhưng lúc đó họ cũng nghĩ chết thì chết thôi, họ không có nghĩ hợp trí gì hết. Thì họ đầu thai thành tâm Nhị nhân, đầu thai bằng tâm Nhị nhân thì họ đi tái tục đời sau của Nhị nhân thôi. Còn nếu mình suy nghĩ về nhân quả, thiện ác, nghiệp báo gì đó v.v... mình suy nghĩ về những điều đó. Mình nghĩ là có đời sau, còn họ thì không nghĩ có đời sau. Mình

nghĩ chết rồi thì có đời mới, mình nghĩ như vậy là hợp trí.

Cho nên là ráng tu làm sao, tu được như vậy đó nha. Chứ còn không mình không có tu được như vậy thì chưa đủ công phu. Đó [là ví dụ] có 2 Na cảnh như vậy, đó là trường hợp Cảnh rất lớn.

Bây giờ chúng ta đi xuống cảnh lớn, mình học ráng thêm chút nữa cho hết bài luôn nha quý vị!

II. Cảnh lớn: tương tự như Cảnh rất lớn (Có 5 Tâm đồng lực, không có Na cảnh).

(Tức là giống y 4 trường hợp ở trên, chứ không có 4 sơ đồ sau).

Trường hợp 2: 5 javana (Tâm đồng lực)

- **Khi xảy ra:** Ngũ môn Cảnh lớn
- **Ý nghĩa:** cảnh đủ mạnh để chạy 5 javana nhưng không đủ lực giữ tadarammana (Na cảnh)

Ví dụ: nghe tiếng gọi nhưng rất yếu, không còn đủ lực để tâm “vang lại”.

Trường hợp 5 đến 8 này giống như 4 sơ đồ như trên (1-4), chỉ là cảnh giảm bớt 1 bậc. (Cho nên cũng giống y chang, không vẽ lại nha).

III. Cảnh nhỏ: (Có 3 Tâm đồng lực, không có Na cảnh)

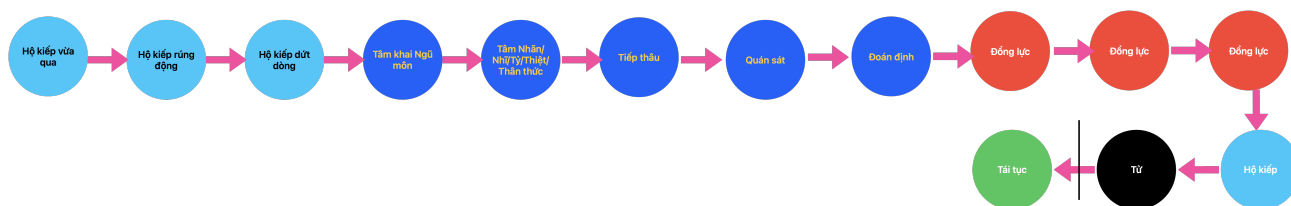
Trường hợp 3: 3 javana + không tadarammana (trường hợp suy yếu).

- **Khi xảy ra:** thân tâm suy kiệt, Ngũ môn Cảnh nhỏ (lúc này thân tâm mình yếu rồi).
- **Ý nghĩa:** cảnh chỉ kích hoạt được 3 Tốc hành (Đồng lực) rồi tắt. (Không biết Tốc hành là gì, có khi thì gọi là Tốc hành, có người gọi Đồng lực, vì [chữ] Pali dịch sang không thống nhất chữ).

Ví dụ: Người hấp hối chỉ mở mắt nhìn một chút rồi chìm vào mê. (Người hấp hối, có thể họ yếu quá rồi, vì cảnh này là xuống cảnh nhỏ rồi, họ yếu lắm rồi, họ mở mắt nhìn chút xíu rồi chìm vào mê, rồi chết luôn. Trường hợp này thì Lộ trình tâm như sau)

9. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh nhỏ (Có Hộ kiếp trước, có Hộ kiếp sau)

9.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh nhỏ (Có Hộ kiếp trước, có Hộ kiếp sau)



Đầu tiên có Hộ kiếp trước và có Hộ kiếp sau. Tức là Hộ kiếp vừa qua (ví dụ trước đó họ đang suy nghĩ gì hoặc nghe tiếng gì đó, nhưng thấy cảnh [thì] mở mắt ra. Ví dụ thấy cảnh có người bước tới gần mình hay thấy có người mở đèn gì đó. Giả sử thấy cảnh đó thì Tâm hộ kiếp vừa qua đang chạy sẽ bị rung động -> Hộ kiếp rung động -> Dứt dòng Tâm hộ kiếp vừa qua (tức là tâm họ không có suy nghĩ gì hết, Tâm hộ kiếp đang chạy chạy thôi) -> Khai Nhãn môn (khai Ngũ môn ở đây là khai con mắt để nhìn thấy cảnh) -> rồi Tâm Nhãn làm việc (ở đây là Tâm Nhãn, chứ không phải Tâm Nhĩ, Thị, Thiệt, Thân) -> rồi Tiếp thu cảnh đó (ví dụ như thấy cảnh người đó bước tới mở đèn gì đó) -> rồi Quan sát -> và đưa ra kết quả: ‘À, người đó là người thân yêu của mình. Lúc đó khởi lên ái luyến hay hay gì đó, thì chạy ba [Tâm đồng lực] Ái luyến -> Ái luyến -> Ái luyến -> rồi trả về Hộ kiếp -> xong rồi chết -> đi đầu thai.

Nếu lúc đó mình tác ý tốt, nói chung lúc này thân tâm mệt mỏi suy kiệt rồi, thân cũng yếu, mắt không nhìn rõ, mà tâm cũng yếu, [nên] chạy còn có ba Tâm đồng lực thôi. Cho nên chết kiểu này là yếu rồi, mà thường người ta chết kiểu này cũng có, yếu yếu rồi chết, tâm cũng đờ đờ rồi chết. Thì cũng vậy thôi, quan trọng là tu làm sao để chỗ Đoán định này chuyển thành tâm tốt giữ, thấy cảnh gì không biết, đừng để tham, sân, si vô đó là mệt. Và ở đây có trường hợp tại sao có người đầu thai tâm Nhị nhân, vì có Hộ kiếp ở chỗ này. Người Lạc vô nhân [thì] Hộ kiếp khi trả về là Tâm quan sát thọt xả thôi, cho nên mới mang Tâm quan sát thọt xả, nên đi đầu thai bằng [tâm] Vô nhân.

Tiếp tục:

10. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh nhỏ (Không có Hộ kiếp trước, có Hộ kiếp sau)

10.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh nhỏ (Không có Hộ kiếp trước, có hộ Kiếp sau)



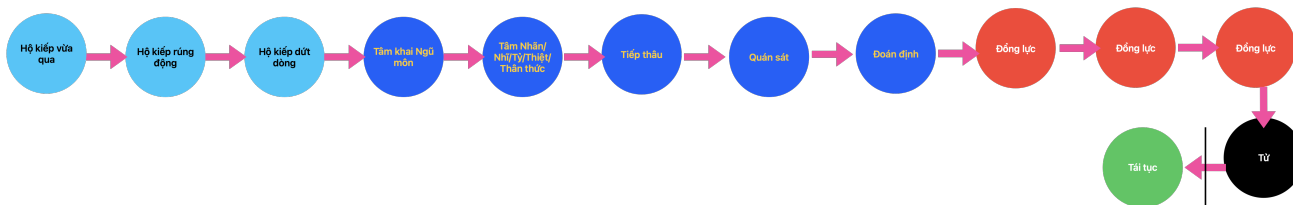
Nói nhanh thôi nha, sẽ không có Hộ kiếp trước, tức là không có Hộ kiếp vừa qua. Ví dụ đang suy nghĩ gì đó là bắt luôn cảnh tiếp thôi. Còn ở trên là suy nghĩ đằng trước rồi, hay làm gì đằng trước rồi, dừng chút xíu, tâm mình cho về Tâm hộ kiếp rồi chạy dòng này. Còn ở đây thì không, vì trước đó suy nghĩ rồi, nên bắt luôn cảnh tiếp, hoặc là trước đó thấy cảnh gì rồi bây giờ bắt cảnh tiếp.

Tâm khai Ngũ môn -> tâm Ngũ môn hoạt động (tức là một trong 5 cửa: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân) -> rồi Tiếp thu cảnh đó -> Quán sát cảnh đó -> Đoán định (đưa ra quyết định) -> và 3 Tâm đồng lực (tức là chạy 3 sát-na Tâm đồng lực) -> rồi Hộ kiếp -> sau đó chết -> qua đời mới. Tóm lại là như vậy.

Tiếp theo là trường hợp thứ 11:

11. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh nhỏ (Có Hộ kiếp trước, Không có Hộ kiếp sau)

11.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh nhỏ (Có Hộ kiếp trước, không có hộ Kiếp sau)



Trường hợp số 11 cũng tương tự như vậy, có Hộ kiếp trước, nhưng không có Hộ kiếp sau. Tức là Đồng lực xong rồi chết luôn, không trả về Hộ kiếp.

Hộ kiếp vừa qua -> Hộ kiếp rung động -> Hộ kiếp dứt dòng -> Tâm khai Ngũ môn -> tâm Nhãn [hoạt động] (tức là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân) -> Tiếp nhận cảnh -> Quán sát -> rồi xác định cảnh đó như thế nào [Đoán định] (ví dụ người đó nghe

tiếng hay hay hoặc gì đó, nhưng lúc đó cảnh nhỏ, yếu xìu à, không rõ lắm) -> rồi sau đó Tâm đồng lực của họ cũng yếu, chạy qua 3 sát-na thôi -> rồi sau đó chết -> chuyển sang đời sau.

Trường hợp cuối cùng (12):

12. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh nhỏ (Không có Hộ kiếp trước và Hộ kiếp sau)

12.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh nhỏ (Không có: Hộ kiếp trước và Hộ kiếp sau)



[Trường hợp] cuối cùng tương tự như vậy, không có Tâm hộ kiếp trước và Hộ kiếp sau. Tức là không có Hộ kiếp vừa qua đang trước, rồi Tâm khai Ngũ môn (ví dụ như người ta đang ở dòng suy nghĩ gì đó rồi bắt vô dòng này luôn -> tâm Ngũ môn gì đó (ví dụ thấy cảnh hay nghe tiếng gì đó bắt vào) -> Tiếp [thâu] -> Quan sát -> Đoán định -> Đồng lực -> Đồng lực -> Đồng lực (3 Đồng lực) -> rồi chết, chứ không có Hộ kiếp trước tử -> rồi chuyển sang đời mới.

IV.Cảnh rất nhỏ: (Có 1 Tâm đồng lực, không có Hộ kiếp sau, không có Na cảnh)

Trường hợp 4: 1 javana duy nhất (Ngũ môn Cảnh rất nhỏ)

- **Khi xảy ra:** người gần như mê hoàn toàn, cảnh thoáng qua rất nhẹ.
- **Ý nghĩa:** chỉ khởi 1 tốc hành rồi rơi thẳng vào Tâm tử.

Ví dụ: Cảm giác đau hoặc hình ảnh lóe lên rồi mất ngay. (Đau một tý rồi chết hoặc loé hình ảnh chớp một cái, chưa thấy gì rõ lắm, mới xác định sơ sơ là chết mất rồi. Lúc đó tâm mình yếu quá rồi. Thì có hai trường hợp):

13. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất nhỏ (Có Hộ kiếp trước)

13.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh nhỏ (Có Hộ kiếp trước)

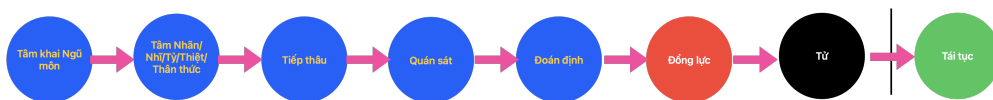


Trường hợp có Hộ kiếp trước, ví dụ như đang không suy nghĩ gì, đang thả tâm, Hộ kiếp vừa qua -> Rung động -> rồi Dứt dòng khỏi Hộ kiếp đó -> bắt đầu thấy một

cảnh (hình ảnh gì đó) thì tâm đó khai Nhãn môn, tức là hướng về tâm của mắt để làm việc -> Tâm Nhãn làm việc -> Tiếp thu -> Quan sát (phân tích cảnh đó) -> Đoán định (đưa ra quyết định cảnh này xấu hay tốt, cảnh này gì đó) -> đưa ra Đồng lực. Mới đưa ra có 1 Đồng lực thôi, Tham, Sân, Si hoặc Tâm đại thiện, thì vừa đưa ra một cái rồi chết luôn. Vì yếu quá, không đủ thời gian là chết luôn, thì có khả năng chết trong trường hợp này.

14. Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất nhỏ (Không có Hộ kiếp trước)

14.Lộ trình tâm Ngũ môn cận tử Cảnh rất nhỏ (Không có Hộ kiếp trước)



Trường hợp này là đang chạy dòng suy nghĩ gì đó, tức là không dừng nghỉ ở đây, mà đang suy nghĩ hoặc đang làm gì đó, thì tâm đang trước chạy tiếp vô đây Tâm khai Ngũ môn -> mắt thấy cảnh này loé lên [Tâm Nhãn làm việc] -> rồi bắt đầu Tiếp nhận cảnh đó -> Quan sát (phân tích cảnh đó) -> [Đoán định] (đưa ra quyết định cảnh đó là cảnh tốt đẹp hay cảnh xấu thế nào đó, tham hoặc sân, si gì đó) -> rồi chết -> Tái tục.

Như vậy chúng ta thấy Lộ trình tâm nhanh như vậy đó. Tóm lại 14 trường hợp, chết kiểu này đều là quá nhanh. Cho nên nếu mình không tu tập thì lúc đó mình không đưa ra được. Quan trọng là mình quan sát cảnh, rồi mình phân tích cảnh đó làm sao theo chiều hướng tốt. Chúng ta đã học 8 Tâm đại thiện, quý vị phải đưa được về 8 Tâm đại thiện. Còn không đưa được là chịu đó, mà đưa qua 12 Tâm bất thiện là dọa ráng chịu đó nha!

Tu-đà-hoàn thì họ bỏ được 5 Tâm bất thiện rồi, còn 7 [tâm] thôi, nhưng chắc chắn do sức của Tu-đà-hoàn cho nên ok, không xảy ra [Tâm] bất thiện lúc chết đâu, yên tâm! Hoặc người chứng Thiền (Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền) thì lúc đó Tâm thiền mạnh lắm. Tâm thiền là một thiện nghiệp mạnh, sẽ đủ giữ cho mình phán định tốt và trở quả Thiền. Dù chỉ là một sát-na Thiền thôi, nhưng đủ để mình

đưa về cõi Phạm thiên, ít nhất từ Sơ thiên trở lên. Còn người chứng quả thì tất nhiên khỏi nói rồi, người chứng A-la-hán thì ở đây không nói nha, chứng A-la-hán thì có Lộ trình tâm nhập Niết-Bàn riêng. Còn ở đây mình nói cho những người thường và Thánh nhân chưa phải là A-la-hán, chưa phải là Phật, chưa phải là Độc giác thì có trường hợp như vậy.

Quý vị coi ở đây, thì thấy quan trọng nhất là chỗ mình suy xét cảnh, mà ngôn ngữ trong kinh nói là Như lý Tác ý. Mà muốn Như lý Tác ý thì chỉ có cách tốt nhất là hãy tu Tứ niệm xứ, quán sát, tâm tham biết tâm tham, tâm sân biết tâm sân. Muốn biết tham thế nào, sân thế nào thì phải học kỹ. Sân có quá trời nhiều trường hợp, buồn là sân, khó chịu là sân, thấy nổi nóng là sân, không hài lòng là sân, nói chung là thấy cái gì đó bứt rứt, buồn, khóc v.v... không hài lòng là sân hết. Còn tham là dính mắc vào cái gì đó, ham muốn. Còn si là không rõ biết cái gì hết, có hai loại: Một là phóng dật hoặc hoài nghi. Mình có ba tâm tham, sân, si đó, tránh là được rồi, còn lại là thiện hết.

Còn ai tu tập Thiền, thì giữ được Thiền thì tới lúc chết là yên tâm, tự nhiên tốt lành. Còn quý vị biết mấy người mà nghiệp cận tử đọa Vô gián Địa ngục là vì do họ tạo nghiệp Vô gián, thì lúc đó sẽ khiến cảnh nghiệp hiện ra cảnh kinh hoàng, Cảnh nghiệp Sinh thú tướng kinh hoàng, cho nên họ thấy cảnh đó họ sợ. Và chính cái sợ đó đưa họ đi bằng Tâm bất thiện. Còn người tu tập thiện nghiệp nhiều, nó khiến, có thể mình không tu tập gì nhiều nhưng lúc đó do thiện nghiệp mạnh nên Cảnh sinh Thú tướng hiện ra là cảnh cung điện, cảnh giàu sang, cảnh gì đó v.v... Tự nhiên mình vui, mình vui hoan hỷ, tâm thiện lành như vậy cho nên Đồng lực tốt, tự nhiên đưa vào cảnh thiện lên cõi Trời, cõi Người. Quý vị hiểu chưa? Đó là do nghiệp khiến cho như vậy, lúc chết cảnh hiện ra cảnh như thế. Cho nên bữa sau mình học thêm Lộ trình tâm Cận tử Ý môn nữa là mình sẽ giải quyết được vấn đề rất rõ là chết đi về đâu. Muốn được như vậy là phải tu tập từ bây giờ.

Hôm nay giảng hơi dài, ráng giảng cho hết phần này, tại vì phần Vi Diệu Pháp

còn nhiều điều hay lắm, mình học kỹ. Hôm nay chúng ta dừng ở đây. Xin lỗi quý vị vì đã quá giờ, hẹn quý vị hôm khác. Mời quý vị, chúng ta hồi hướng.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử cùng chúng sanh

Đều sớm thành Đạo quả”.